

# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tổng số điểm khám trong tuần: 795 điểm

Cập nhật ngày 11/7/2026



| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                | Địa chỉ                                                                                         | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                         |                                                                                                 | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 1   | BVĐK Medic Bình Dương        | BVĐK Medic Bình Dương   | Số 14, 14A, 16, 16A, 18, thửa đất số 154 – tờ bản đồ số 40 Đường Nguyễn An Ninh, P. Thủ Dầu Một | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 2   | TYT P. Phú Lợi               | TYT P. Phú Lợi          | Hẻm 210, Đường Huỳnh Văn Lũy, P. Phú Lợi                                                        | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 3   | TYT P. Bình Dương            | MN Hoa Bé Ngoan         | - Ô 31 lô PC, Đường 18, KP. Hòa Phú 1, Bình Dương                                               | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 4   |                              | Lớp MNĐL Bé Hạnh Phúc   | Số 449, Đường số 3, KP. Hòa Phú 1, P Bình Dương                                                 | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 5   |                              | Lớp MN ĐL Hạnh Phúc     | Số 35, Phạm Hùng, ấp Hòa Phú 3, P Bình Dương                                                    | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 6   |                              | Trường MN Sam My        | Số 38, Đường ĐX013 KP. Phú Mỹ 6, Bình Dương                                                     | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 7   |                              | Lớp MN Độc lập Vương Tú | 64 Đường DX , Phú Mỹ 7, Bình Dương                                                              | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 8   |                              | Trường MN Hoa Nắng      | Số 201, Đường 51, khu Phú Tân 2, P. Bình Dương                                                  | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 9   |                              | Trường MN Nắng Xuân     | Số 61/7 ĐX 26, khu Phú Mỹ 3, P.Bình Dương                                                       | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 10  |                              | Lớp MN DL Hải Hà        | Số 63 ĐC 26, khu Phú Mỹ 3, P.Bình Dương                                                         | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm               | Địa chỉ                                                               | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                        |                                                                       | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 11  | TYT P. Bình Dương            | MN Khởi Trí            | Số 129, Đường An Mỹ, KP. Phú Mỹ 6, Bình Dương                         | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 12  |                              | MN Nụ Cười Nắng Mai    | 175/7, ĐX 06, tổ 43, Phú Mỹ 8, Bình Dương                             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 13  |                              | MN Hoa Bé Ngoan        | - Đường N6, KP. Hòa Phú 1, P. Bình Dương                              | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 14  |                              | NT-Lớp MG Hoa tường Vy | 83/85 Đường N2 KP. Hoà Phú 1 P. Bình Dương                            | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 15  |                              | NT-Lớp MG Sao Xanh     | Số 57, Đường ĐX037, khu Phú Mỹ 1, Bình Dương                          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 16  |                              | LNĐL Viên Kẹo Nhỏ      | 36, DX06, Phú Mỹ 8, Bình Dương                                        | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 17  |                              | TYT P. Bình Dương      | Số 300 Đường Võ Nguyên Giáp, KP. Hòa Phú 3, P. Bình Dương             | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 18  | TYT P. Phú An                | TYT P. Phú An          | Đường DT 744 KP. Bến Giằng, P. Phú An                                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 19  | TYT P. Chánh Hiệp            | TYT P. Chánh Hiệp      | TYT P. Chánh Hiệp, Đường Trần Ngọc Lên, KP. Định Hòa 2, P. Chánh Hiệp | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 20  | BV Hoàn Mỹ Bình Dương        | Trường TH Định Hòa 2   | Trường TH Định Hòa 2, Đ. Nguyễn văn Thành, KP.. 7, P. Chánh Hiệp      |                 | X                       |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                           | Địa chỉ                                                  | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                    |                                                          | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 21  | BV Hoàn Mỹ Bình Dương        | BV Hoàn Mỹ Bình Dương              | Số 45 Hồ Văn Cống, P. Chánh Hiệp                         |                 |                         |                            | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 22  | BVĐK Phương Chi              | Trường TH Định Hoà                 | 46/28 Đường Trần Ngọc Lên, KP. Định Hòa 3, P. Chánh Hiệp |                 | X                       |                            |                  |                    |      |      | X    | X    | X    | X    |
| 23  | TYT P. Chánh Hiệp            | MN Hoa Sen                         | Đường Lê Chí Dân KP. Tương Bình Hiệp 3                   | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 24  | TYT P. Chánh Hiệp            | MN Ngôi Nhà Nhỏ                    | KP. Hiệp An 7, P. Chánh Hiệp                             | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 25  | TYT P. Chánh Hiệp            | MN Chổi Xanh                       | KP. Định Hòa 5                                           | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 26  | TYT P. Chánh Hiệp            | MN Hoa Cúc                         | 240 ĐX 76, KP. Định Hòa 3                                | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 27  | TYT P. Chánh Hiệp            | NT-Lớp MG Hạt Giống Tí Hon         | 729. Phan Đăng Lưu, P. Chánh Hiệp                        | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 28  | TYT P. Chánh Hiệp            | NT-Lớp MG Minh Nguyên              | 508 Hồ Văn Cống ,KP.Tương Bình Hiệp 7, Chánh Hiệp        | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 29  | TYT P. Chánh Hiệp            | MG Ánh Sáng                        | KP. Chánh Lộc 5, P. Chánh Hiệp                           | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 30  | TYT Dầu Tiếng                | TYT Dầu Tiếng                      | Đường tự do, ấp Chợ Sáng, X. Dầu Tiếng                   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 31  | TYT Dầu Tiếng                | Điểm Y tế 1 thuộc TYT X. Dầu Tiếng | ấp An Phước- X. Dầu Tiếng                                | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám    | Địa điểm                           | Địa chỉ                                            | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                 |                                    |                                                    | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 32  | TYT Dầu Tiếng                   | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Dầu Tiếng | ấp Hiệp Phước, X. Dầu Tiếng                        | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 33  | TYT Dầu Tiếng                   | Điểm Y tế 3 thuộc TYT X. Dầu Tiếng | ấp Núi Đất, X. Dầu Tiếng                           | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 34  | TTYT KV Dầu Tiếng               | TTYT KV Dầu Tiếng                  | Số 02, Nguyễn Bình Khiêm, ấp Cầu Đúc, X. Dầu Tiếng |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 35  | Công ty Cổ phần BVĐK Phương Nam | Nhà văn hóa X. Long Hòa            | ấp Long Điền X. Long Hòa                           |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    |      |      |      |
| 36  | TYT X. Thanh An                 | Trường MN Thanh Tân                | ấp Thanh Tân, X. Thanh An                          | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 37  | TYT X. Thanh An                 | Trường MN Thanh An Lập             | ấp An Lập, X. Thanh An                             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 38  | TYT P. Bến Cát                  | TYT P. Bến Cát                     | ấp Lai Khê, P. Bến Cát                             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 39  | Điểm Y tế thuộc Tyt P. Bến Cát  | Điểm Y tế thuộc TYT P. Bến Cát     | KP. Tân Hưng ,Bến Cát                              | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 40  | TTYT KV Bến Cát                 | TTYT KV Bến Cát                    | Số 103, Quốc lộ 13, KP. Long Hưng, P. Bến Cát      |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 41  | TYT P. Bến Cát                  | MN Hoàng Anh                       | ấp Cầu Sắt                                         | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 42  | TYT P. Bến Cát                  | MN Tuổi Tiên 3                     | ấp Mỹ Thạnh                                        | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 43  | TYT P. Bến Cát                  | MN Tuổi Tiên                       | Số 86, Đường DB5, ấp An Phước 3                    | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 44  | TYT P. Bến Cát                  | MNĐL Happy Kids                    | Đường DB4, KP. An Phước                            | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 45  | TYT P. Bến Cát                  | MN Ong Vàng                        | Đường DA1-2, KP. An Phước                          | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 46  | TYT P. Bến Cát                  | MN Thiện Tâm                       | Hẻm 928, ấp Mỹ Thạnh                               | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm             | Địa chỉ                          | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|----------------------|----------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                      |                                  | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 47  | TYT P. Bến Cát               | MN Vàng Anh          | Đường D1, KP. Mỹ Thạnh           | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 48  | TYT P. Bến Cát               | MN Mỹ Phước 2        | 47, DB 11A, KP. An Phước         | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 49  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL ABC            | Số 37C, Đường DA11, KP. An Phước | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 50  | TYT P. Bến Cát               | MN ĐL Bé Khỏe        | C3-55, Đường NB16, KP. An Phước  | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 51  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Mặt Trời Nhỏ   | Đường XC1/NC1, KP. An Phước      | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 52  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Kitty          | Số 12, Đường DC7, KP. An Phước   | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 53  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Tâm Ánh Dương  | Đường XC10, KP. An Phước         | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 54  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Thần Tiên      | 138, Đường XC2, KP. An Phước     | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 55  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Rubyland       | J36, Đường TC3, KP. An Phước     | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 56  | TYT P. Bến Cát               | MN Việt Anh          | Đường DC3, KP. An Phước          | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 57  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Gia Huy 2      | Số 11, Đường NB13, KP. An Phước  | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 58  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Tuổi Ngọc      | C3-12, KP. An Phước              | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 59  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Tuổi Thần Tiên | C2/41, Đường DB8, KP. An Phước   | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 60  | TYT P. Bến Cát               | MG ĐL Như Ý          | Số 38, Đường DB8, KP. An Phước   | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám         | Địa điểm              | Địa chỉ                                                      | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                      |                       |                                                              | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 61  | TYT P. Bến Cát                       | MN Okid               | Đường 2/9, KP. Mỹ Phước                                      | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 62  | TYT P. Bến Cát                       | MG ĐL Baby            | C3/10, Tổ 14, Đường DA1-1, KP. An Phước                      | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 63  | TYT P. Bến Cát                       | MG ĐL Thỏ Ngọc        | Số 57, DC 3, ấp An Phước                                     | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 64  | TYT P. Bến Cát                       | MN Sơn Ca             | Đường DC5, KP. An Phước, P. Bến Cát                          | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 65  | TYT P. Bến Cát                       | TNĐL Bảo Bối          | Số 369/21, tổ 2, KP. An Phước                                | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 66  | TYT P. Bến Cát                       | MTG Khiết Tâm         | Đường XC9B, KP. Mỹ Thạnh                                     | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 67  | TYT P. Bến Cát                       | MG ĐL Hạt Mầm         | Số 73, Đường D1, KP. Mỹ Thạnh                                | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 68  | TYT P. Bến Cát                       | MG ĐL Tâm Ánh Dương 2 | 415B, QL13, ấp Mỹ Thạnh                                      | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 69  | TYT P. Bến Cát                       | MNDL Ánh Trăng        | Số 9, Đường NA9, KP. Mỹ Thạnh                                | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 70  | TYT P. Bến Cát                       | MNDL Hoa Mặt Trời     | 131 Đường XC7, KP. Mỹ Thạnh                                  | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 71  | TYT P. Bến Cát                       | MG ĐL Thần Đồng Việt  | D3, KP. Mỹ Thạnh                                             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 72  | TYT P. Bến Cát                       | MN DL Hoàng Long      | Đường DC7, KP. Mỹ Thạnh                                      | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 73  | TTYT KV Bàu Bàng                     | TTYT KV Bàu Bàng      | Đường D7-N9, khu Công nghiệp và Đô thị Bàu Bàng, X. Bàu Bàng |                 |                         | X                          |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 74  | TTYT KV Bàu Bàng                     | TYT X. Trừ Văn Thố    | Đường ĐT 750, ấp Bằng Lăng, X. Trừ Văn Thố                   |                 |                         |                            | X                |                    |      |      | X    | X    |      |      |
| 75  | TYT X. Bàu Bàng                      | TYT X. Bàu Bàng       | Quốc lộ 13 ấp Xà Mách X. Bàu Bàng                            | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 76  | TYT P. Chánh Phú Hòa                 | MN FoX Baby           | Đường NG1, KP. 8 ( KP. Phú Thịnh), P. Chánh Phú Hòa          | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 77  | Điểm Y tế thuộc TYT P. Chánh Phú Hòa | MG ĐL An Nam          | 199 Tổ 5, KP.2 Hưng Hòa ( KP. Hòa Phát)                      | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 78  | TYT P. Chánh Phú Hòa                 | MG ĐL ABC             | Đường NE3, KP. 8 ( KP. Phú Thịnh)                            | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 79  | Điểm Y tế thuộc TYT P. Chánh Phú Hòa | MG ĐL Phúc Đạt        | KP. 4 Hưng Hòa (KP. Hòa Bình )                               | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 80  | TYT P. Chánh Phú Hòa                 | MG ĐL Thỏ Trắng       | Đường NE4, KP. 8 ( KP. Phú Thịnh)                            | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám         | Địa điểm                     | Địa chỉ                                               | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|--------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                      |                              |                                                       | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 81  | Điểm Y tế thuộc TYT P. Chánh Phú Hòa | MN DL Việt Mỹ                | Đường Số 5, KP. Hưng Hòa (KP. Hòa Hưng )              | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 82  | TYT P. Chánh Phú Hòa                 | MN DL Hoàng Linh             | Đường NE4, KP. 8 ( KP. Phú Thịnh)                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 83  | Điểm Y tế thuộc TYT P. Chánh Phú Hòa | MN DL Bảo An                 | KP. 5,Hưng Hòa (KP. Hòa Hưng )                        | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 84  | TYT P. Chánh Phú Hòa                 | MNDL Hoàng Nhi               | Ng4 , KP. 8 ( KP. Phú Thịnh)                          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 85  | TYT P. Chánh Phú Hòa                 | MN Chánh Phú Hòa             | KP. 2 (KP. Chánh Lưu)                                 |                 |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 86  | TYT P. Chánh Phú Hòa                 | MN Hưng Hòa                  | Đường 73, KP. Hòa Hưng                                |                 |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      | X    |
| 87  | TYT P. Long nguyên                   | Điểm TYT Long Nguyên         | Suối Tre Long Nguyên                                  | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 88  | TYT P. Long nguyên                   | TYT P. Long Nguyên           | An Điền - Long Nguyên                                 | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 89  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | TYT P. Thới Hòa              | khu phố 3B, Phường Thới Hòa                           | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 90  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | Trường MN Sao Mai            | Đường DK4A, KP. 3A, P. Thới Hoà                       | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 91  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | Trường MN Hoa Sen Mỹ Phước   | Đường D25S, khu đô thị Oasis City, KP. 4, P. Thới Hoà | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 92  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | Trường MN Trí Tâm            | NL13, KP. 3B, Thới Hòa                                | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 93  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | Trường Mn Học Viện Trẻ Thơ   | Đường XH4, KP. Cây Dương                              | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 94  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | MN Tuổi Tiên 2               | Đường H6, KP.6                                        | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 95  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | Trường MN Thới Hoà           | Đường TC1, KP. 6, P. Thới Hoà                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 96  | Trạm Y tế Phường Thới Hòa            | Trường MN Học Viện Trẻ Thơ 2 | KP. Cây Dương- Thới Hòa                               | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 97  | TYT P. Hòa Lợi                       | Trường MN Ánh Sao            | KP. 2, P. Hòa Lợi                                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 98  | TYT P. Hòa Lợi                       | Lớp MG ĐL Linh Nhi           | KP. 1, P. Hòa Lợi                                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 99  | TYT P. Hòa Lợi                       | Lớp MNTT Lan Anh             | KP. 2, P. Hòa Lợi                                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 100 | TYT P. Hòa Lợi                       | Lớp MNTT Lan Anh 2           | KP. 2, P. Hòa Lợi                                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                             | Địa chỉ                                       | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                      |                                               | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 101 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MNTT Ngôi Nhà Trẻ Thơ            | KP. 2, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 102 | TYT P. Hòa Lợi               | Trường MN Học Viện Sáng Tạo          | KP. 2, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 103 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MN DL Thanh Trúc                 | KP. 3, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 104 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MN DL Thiên Thần Nhỏ             | KP. 3, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 105 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MN DL Hồng Ngọc                  | KP. 3, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 106 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MNDL Hoa Vàng                    | KP. 3, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 107 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MNDL Hoa Trúc                    | KP. 4, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 108 | TYT P. Hòa Lợi               | Trường MN Tân Thở Ngọc               | KP. 4, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 109 | TYT P. Hòa Lợi               | Trường MN Vườn Tài Năng              | KP. 4, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 110 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MN DL Thiên Thần                 | KP. 3, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 111 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MN DL Mây Hồng                   | KP. 3, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 112 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MNDL Ánh Ban Mai                 | KP. 3, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 113 | TYT P. Hòa Lợi               | Lớp MNTT Tuổi Thơ Xanh               | KP. 2, P. Hòa Lợi                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 114 | PKĐK Bảo Minh                | PKĐK Bảo Minh                        | 573 Nguyễn Văn Thành, KP. Phú Hòa, P. Hòa Lợi |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 115 | PKĐK Tín Đức                 | PKĐK Tín Đức                         | 519 ĐT741, KP. An Hòa, P. Hòa Lợi             |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 116 | BVĐK Medic                   | Điểm Y tế thuộc TYT P. Hòa Lợi       | Tân Định 010, KP. 3, P. Hòa Lợi               |                 | X                       | X                          | X                |                    | X    | X    |      |      | X    | X    |
| 117 | TYT X. Phước Thành           | TYT X. Phước Thành                   | ấp Sa Dục, X. Phước Thành                     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 118 | TYT X. Phước Thành           | Điểm Y tế 1 thuộc TYT X. Phước Thành | ấp Hiệp Phú, X. Phước Thành                   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 119 | TYT X. An Long               | TYT X. An Long                       | ấp Xóm Quạt, X. An Long                       | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 120 | TYT X. An Long               | Điểm Y tế 1 TYT X. An Long           | ấp 9, X. An Long                              | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám            | Địa điểm                                     | Địa chỉ                                                                             | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-----------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                         |                                              |                                                                                     | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 121 | TYT X. An Long                          | Điểm Y tế 1 TYT X. An Long                   | ấp 2, X. An Long                                                                    | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 122 | TYT X. An Long                          | Trường MN An Linh                            | ấp 9, X. An Long                                                                    | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 123 | TYT X. An Long                          | Trường MN An Long                            | ấp 2, X. An Long                                                                    | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 124 | TYT X. Phước Hoà                        | TYT X. Phước Hoà                             | ấp 1A, X. Phước Hòa                                                                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 125 | TYT X. Phước Hoà                        | Điểm Y tế thuộc TYT X. Phước Hoà             | ấp Vĩnh Tiến, X. Phước Hòa                                                          | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 126 | TYT X. Phước Hoà                        | MN Sơn Ca                                    | ấp Vĩnh An, X. Phước Hòa                                                            | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 127 | TYT X. Phước Hoà                        | MN độc lập Mặt Trời Nhỏ                      | ấp Đồng Chinh, X. Phước Hòa                                                         | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 128 | TYT X. Phước Hoà                        | Lớp MN độc lập Ngôi Nhà Cửa Bé               | ấp 1A, X. Phước Hòa                                                                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 129 | TYT X. Phước Hoà                        | Lớp MN độc lập Hoa Nắng                      | ấp Đồng Chinh, X. Phước Hòa                                                         | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 130 | TYT X. Phước Hoà                        | MN Hoa Hướng Dương                           | ấp Lễ Trang, X. Phước Hòa                                                           | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      |      |
| 131 | PKĐK Nam Anh                            | Trung tâm cung ứng dịch vụ công P. Tân Khánh | Trung tâm văn hoá Tân Phước Khánh cũ, Đường Võ Thị Sáu, KP. Khánh Hội, P. Tân Khánh |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 132 | BVĐK Medic Bình Dương                   | Trường TH Tân Vĩnh Hiệp A                    | KP. Tân Hoà, P. Tân Khánh                                                           |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    |      | X    | X    | X    | X    |
| 133 | PKĐK Sài Gòn Tân Bình                   | Trường TH Tân Phước Khánh A                  | KP. Khánh Hoà, P. Tân Khánh                                                         |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 134 | BVĐK Bình Dương                         | TTYT KV Bắc Tân Uyên                         | ấp Tân Thành 2, X. Bắc Tân Uyên                                                     | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 135 | PKĐK thuộc Công ty cổ phần BVĐK Năm Anh | TYT X. Thường Tân (ấp Lạc An 3)              | TYT X. Thường Tân (ấp Lạc An 3)                                                     |                 |                         | X                          |                  |                    |      |      |      | X    | X    | X    |
| 136 | TYT P. Vĩnh Tân                         | TYT P. Vĩnh Tân                              | Đường DT 742, KP. 4, P. Vĩnh Tân                                                    | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    | X    |      |      |      |
| 137 | PKĐK Sài Gòn- Tân Bình                  | Trường TH Tân Bình                           | KP. Tân Bình A, P. Vĩnh Tân                                                         |                 | X                       |                            |                  |                    | X    |      |      | X    |      |      |
| 138 | PKĐK Sài Gòn- Tân Bình                  | Trường TH Vĩnh Tân                           | Đường DT 742, KP. 4, P. Vĩnh Tân                                                    |                 | X                       |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 139 | TYT P. Bình Cơ                          | TYT P. Bình Cơ                               | Đường DT 747, KP. Mỹ Đức, P. Bình Cơ                                                | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 140 | Điểm TYT P. Bình Cơ                     | Điểm TYT P. Bình Cơ                          | Đường DT 747, KP. 2, P. Bình Cơ                                                     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                          | Địa chỉ                                                 | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                   |                                                         | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 141 | TYT P. Bình Cơ               | Nhóm trẻ Bảo Ngọc                 | Đường 64, KP. 2, P. Bình Cơ                             | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 142 | TYT P. Bình Cơ               | Nhóm trẻ Sóc Nhí                  | Đường DT 747, KP. 2, P. Bình Cơ                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 143 | TYT P. Bình Cơ               | Trường MN Sen Hồng                | Đường DT 747, KP. 2, P. Bình Cơ                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 144 | PKĐK Ngọc Hồng               | Công ty TNHH BVĐK Ngọc Hồng       | Số 3, Đường Nguyễn Trãi, KP. Đông Tân, P. Dĩ An         |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 145 | PKĐK Nam Anh                 | Công ty cổ phần BVĐK Năm Anh      | 2Á/8 KP. Thống Nhất 1, P. Dĩ An                         |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 146 | TTYT KV Dĩ An                | TTYT KV Dĩ An                     | Số 500, Đường ĐT 743, KP. Đông Tác, P. Dĩ An            |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 147 | PKĐK Vũ Cao                  | Công ty TNHH PKĐK Vũ Cao          | 158 Đường Nguyễn Trãi, KP. Thống Nhất 1, P. Dĩ An       | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 148 | P. Tân Đông Hiệp             | P. Tân Đông Hiệp                  | 981 Nguyễn Thị Minh Khai KP. tân Phú 2 P. Tân Đông Hiệp | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 149 | TYT P. Lái Thiêu             | TYT P. Lái Thiêu                  | Số 574B KP. Nguyễn Văn Tiết, P. Lái Thiêu               | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 150 | TTYT KV Thuận An             | TTYT KV Thuận An                  | Đường Nguyễn Văn Tiết, KP. Đông Tư, P. Lái Thiêu        |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 151 | TYT P. Thuận Giao            | TYT P. Thuận Giao                 | Số 08 Đại lộ Bình Dương, KP. Hòa Lân 1, P. Thuận Giao   | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 152 | TYT P. Thuận Giao            | Điểm Y tế thuộc TYT P. Thuận Giao | Đường Bình Chuẩn 18, KP. Bình Phú, P. Thuận Giao        | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 153 | TYT P. Thuận Giao            | Trường Thỏ Nâu                    | B7 /13 Đường D8                                         | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 154 | TYT P. Thuận Giao            | Trường Thỏ Nâu 3                  | C1/14, Đường D11 tổ 8                                   | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 155 | TYT P. Thuận Giao            | Trường MN Thiên Thần              | B11/12 -ấp Bình Thuận 2, Thuận Giao                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 156 | TYT P. Thuận Giao            | Trường Thỏ Nâu 2                  | Khách sạn Hoa sứ , Bình Thuận 2                         | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 157 | TYT P. Thuận Giao            | Trường Hoa Nguyệt Quế 2           | D19/18 Bình Thuận 2                                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 158 | TYT P. Thuận Giao            | Trường Năng Hạ                    | B13/5 Bình Thuận 2                                      | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 159 | TYT P. Thuận Giao            | Trường Kim Bình 2                 | D22/18 KP. Bình Thuận 2                                 | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 160 | TYT P. Thuận Giao            | Trường Thảo Phương                | D4/32 Đường D12 Bình Thuận 2                            | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |



[illegible]



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                                  | Địa điểm               | Địa chỉ                                                               | Đối tượng khám  |                         |                       |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                                               |                        |                                                                       | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 181 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường ABC             | 21/973, tổ 3 Đường Thuận Giao 21, Hòa Lân 2                           | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 182 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Việt Mỹ         | 3/502 tổ 5, KP. Hoà Lân 1                                             | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 183 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Gấu Bông        | 4/139 Hòa Lân 1                                                       | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 184 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Thanh Nhã 2     | 1A4/313 Đường 22/12 Hòa Lân 2                                         | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 185 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Sắc Màu         | 1A5/206 tổ 5 Hòa Lân 2                                                | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 186 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Cây Bút Chì Màu | 52A/7, Tổ 7, KP. Bình Giao                                            | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 187 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Con Mèo Vàng    | Bình Giao                                                             | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 188 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Tom & Jerry     | Hòa Lân 2                                                             | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 189 | TYT P. Thuận Giao                                             | Trường Mặt Trời Đỏ     | Hòa Lân 2                                                             | X               |                         |                       |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 190 | PKĐK Thủ Khoa Huân thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Thủ Khoa Huân | Trường TH Tuy An       | Đường An Phú 06, KP. 2, P. An Phú                                     |                 | X                       |                       |                  |                    | X    | X    |      |      |      |      |
| 191 |                                                               | Trường TH An Phú 2     | Số 298/3, Đường An Phú 35, tổ 14, KP. 2, P. An Phú                    |                 | X                       |                       |                  |                    | X    | X    |      |      |      |      |
| 192 |                                                               | Trường TH Tuy An       | Đường An Phú 06, KP. 2, P. An Phú                                     |                 |                         | X                     | X                |                    |      |      | X    | X    | X    | X    |
| 193 | TYT phường An Phú                                             | MN Việt Sing           | O18, CT01B, Đường D24, KP. 4, P. An Phú                               | X               |                         |                       |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 194 | TYT phường An Phú                                             | MN Năng Mai            | 22/C1 KP. 3, P. An Phú, TP. HCM                                       | X               |                         |                       |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 195 | TYT phường An Phú                                             | MN Dạ                  | 19-20, lô C3, Đường N4, KP. 3, P. An Phú, TP. HCM                     | X               |                         |                       |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 196 | TYT phường An Phú                                             | TYT phường An Phú      | Đường ĐT743, KP. 1A, P. An Phú, TP. HCM                               | X               |                         |                       |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 197 | TYT phường An Phú                                             | MN Phượng Hồng         | Ô 42-49, ĐC 03, Đường D20-D35, khu dân cư Việt Sing, KP. 4, P. An Phú | X               |                         |                       |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 198 | TYT phường An Phú                                             | MN Hoa Dầu             | 571/5 Đường 22/12, KP. 4, P. An Phú                                   | X               |                         |                       |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 199 | TYT phường An Phú                                             | MN Phù Đồng            | Ô 3, Đường D22, khu dân cư Việt Sing, KP. 4, P. An Phú                | X               |                         |                       |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 200 | TYT phường An Phú                                             | MN Hoa Trạng Nguyên    | Đường C5, KP. 3, P. An Phú                                            | X               |                         |                       |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                                      | Địa điểm                                     | Địa chỉ                                                               | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                                                   |                                              |                                                                       | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 201 | TYT phường An Phú                                                 | MN Bình Minh                                 | 213/2, Đường Từ Văn Phước, KP. 1B, P. An Phú                          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 202 | TYT phường An Phú                                                 | MN Đại Phước                                 | Ô 25-27, Đường D37, khu dân cư Việt Sing, KP. 4, P. An Phú, TP.TP.HCM | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 203 | TYT phường An Phú                                                 | MN Văng Dương                                | 114H/2, Đường Lê Thị Trung, KP. 1B, P. An Phú                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 204 | BVĐK Vạn Phúc 2                                                   | BVĐK Vạn Phúc 2                              | 28/1 KP. Bình Phước B, P. An Phú                                      |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    | X    | X    | X    |
| 205 | BVĐK Vạn Phúc 2                                                   | Trường TH Lê Thị Trung                       | Đường Bình Chuẩn 63, KP. Bình Phước B, An Phú                         |                 | X                       |                            |                  |                    | X    | X    |      |      |      |      |
| 206 | PKĐK Medic Miền Đông thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Medic Miền Đông | Văn phòng khu phố Bình Chuẩn 1               | Văn phòng khu phố Bình Chuẩn 1, P. An Phú                             |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    | X    | X    | X    |
| 207 | BVĐK Vạn Phúc 2                                                   | Trường TH Lê Thị Trung                       | Đường Bình Chuẩn 63, KP. Bình Phước B, An Phú                         |                 |                         | X                          |                  |                    |      |      | X    | X    | X    | X    |
| 208 | PKĐK Bình An thuộc Công ty TNHH PKĐK Bình An                      | PKĐK Bình An thuộc Công ty TNHH PKĐK Bình An | 49/B1 Đường ĐT 743, P. An Phú                                         |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    | X    | X    |      |
| 209 | TYT P. Thuận An                                                   | TYT P. Thuận An                              | Đường Cách Mạng Tháng 8, KP. Thạnh Lợi, P. Thuận An                   | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 210 | TYT P. Thuận An                                                   | Trường MG Tuổi Ngọc                          | 08AT Thạnh Hòa B-Thuận An-TP. HCM                                     | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 211 | TYT P. Thuận An                                                   | Nhóm trẻ Thiên Thần Nhỏ                      | 602/3,KP. Thạnh Bình                                                  | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 212 | TYT P. Thuận An                                                   | TRường MN Hoa Mai 1                          | 229A Đường Thủ Khoa Huân, KP. Thạnh Hòa A                             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 213 | TYT P. Thuận An                                                   | Nhóm trẻ Hoa Bé Ngoan                        | 639/3, tổ 3, KP. Thạnh Bình, Thuận An                                 | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 214 | TYT P. Thuận An                                                   | Nhóm trẻ Hồng Nhung 2                        | 197D CMT8 KP. Hưng Thọ                                                | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 215 | TYT P. Thuận An                                                   | Nhóm trẻ Vườn Hồng                           | 284, Hưng Phước, Thuận An                                             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 216 | TYT P. Bình Hòa                                                   | TYT P. Bình Hòa                              | Đường Đồng An, KP. Đồng Ba, P. Bình Hòa                               | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 217 | BV đa khoa Vũng Tàu                                               | TYT P Vũng Tàu                               | 131 Trương Công Định                                                  |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 218 | Phòng khám Y Sài Gòn                                              | Phòng khám Y Sài Gòn                         | 408 Lê Hồng Phong                                                     |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 219 | BV đa khoa Vũng Tàu                                               | TYT P Vũng Tàu                               | 131 Trương Công Định                                                  |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 220 | PKĐK Vũng Tàu                                                     | PKĐK Vũng Tàu                                | 207 Nguyễn Văn Trỗi                                                   |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      |      | X    |      |



[illegible]



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                                    | Địa chỉ                                   | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                             |                                           | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 241 | TYT P. Bà Rịa                | Trường MN Phước Nguyên                      | Đường Nguyễn Hồng Lam, KP. 4 Phước Nguyên | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 242 | TYT P. Bà Rịa                | Trường MN Phước Hiệp                        | Huỳnh Tấn Phát, KP. 5 Phước Hiệp          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 243 | TYT P. Bà Rịa                | Trường MN Hoạ Mi                            | 21 Huỳnh Khương An, KP. 7 Phước Hưng      | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 244 | TYT P. Bà Rịa                | Trường MN Sao Mai                           | 54 Lê Lợi, Phước Hiệp                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 245 | BVĐK Vạn Phước               | BVĐK Vạn Phước                              | 42 CMT8 - P. Long Hương                   |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    | X    | X    | X    | X    |
| 246 | BVĐK Vạn Phước               | KP. Núi Dinh                                | Điểm Y tế                                 |                 |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      |      |
| 247 | BVĐK Vạn Phước               | KP. Hải Dinh                                | Điểm Y tế                                 |                 |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      |      |
| 248 | TYT, P. Tam Long             | TYT, P. Tam Long                            | tỉnh lộ 52 KP. 1 long phước, P. Tam Long  | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 249 | TTYT KV Châu Đức             | TYT X. Châu Đức                             | ấp Liên Hiệp, X. Châu Đức.                |                 |                         |                            | X                | X                  | X    | X    |      |      | X    |      |
| 250 | TTYT KV Châu Đức             | Điểm Y tế thuộc TYT X. Châu Đức             | ấp Cù Bị, X. Châu Đức.                    |                 |                         |                            | X                |                    |      |      | X    | X    |      |      |
| 251 | TYT X. Nghĩa Thành           | Trường MN Hoa Hồng                          | ấp Phú Sơn, X. Nghĩa Thành                | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 252 | TYT X. Nghĩa Thành           | Trường MN Trúc Xanh                         | Đường 33 ấp Quảng Nam, X. Nghĩa Thành     | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 253 | TYT X. Nghĩa Thành           | Các trường MN tư thực, Cơ sở bảo trợ X. hội | X. Nghĩa Thành                            | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 254 | TYT X. Nghĩa Thành           | TYT X. Nghĩa Thành                          | ấp Quảng Nam, X. Nghĩa Thành              | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 255 | TYT X. Nghĩa Thành           | Điểm Y tế thuộc TYT X. Nghĩa Thành          | ấp Phú Sơn, X. Nghĩa Thành                | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 256 | PKĐK thuộc Medic Tâm An      | Điểm Y tế 1 TYT X. Xuyên Mộc                | Quốc lộ 55, ấp Bông Trang, X. Xuyên Mộc   |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    |      |      |      |      |
| 257 | PKĐK thuộc Medic Tâm An      | Điểm Y tế 2 TYT X. Xuyên Mộc                | Quốc lộ 55, ấp Hổ Cốc, X. Xuyên Mộc       |                 |                         |                            |                  |                    |      |      | X    | X    | X    | X    |
| 258 | TYT X. Xuyên Mộc             | Điểm Y tế 1 TYT X. Xuyên Mộc                | Quốc lộ 55, ấp Bông Trang, X. Xuyên Mộc   | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 259 | TYT X. Xuyên Mộc             | TYT X. Xuyên Mộc                            | Lộ 329 ấp Nhân Tâm, X. Xuyên Mộc          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 260 | PKĐK thuộc Medic Tâm An      | Điểm Y tế TYT X. Bàu Lâm                    | ấp Tân Lâm, X. Bàu Lâm                    |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    | X    | X    |



[illegible]







# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám      | Địa điểm                              | Địa chỉ                                     | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                   |                                       |                                             | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 301 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT             | Điểm Y tế 1                           | 160 Nguyễn Công Trứ                         | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 302 | TYT                               | MN Tuổi Hồng                          | 21 Yersin                                   | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 303 | TYT                               | MN Tuổi Thơ                           | 137A Nguyễn Trãi                            | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 304 | TYT                               | MN Phạm Ngũ Lão                       | 202-204 Bùi Viện                            | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 305 | TYT                               | MN Bến Thành                          | 87 Sương Nguyệt Anh                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 306 | TYT P. Cầu Ông Lãnh               | Điểm Y tế 1 - TYT P. Cầu Ông Lãnh     | 97 Cô Giang, P. Cầu Ông Lãnh                | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 307 | TYT P. Cầu Ông Lãnh               | TYT P. Cầu Ông Lãnh                   | 30 Cống Quỳnh, P. Cầu Ông Lãnh              | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 308 | BVĐK Tân Định                     | BVĐK KV Tân Định cơ sở 2              | 235 – 237 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Ông Lãnh    |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 309 | TYT P. An Phú Đông                | TYT P. An Phú Đông                    | 44 Vườn Lài, P. An Phú Đông                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 310 | TYT P. An Phú Đông                | Điểm Y tế thuộc TYT P. An Phú Đông    | 538/2 Thạnh Lộc 29, P. An Phú Đông          | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 311 | BVĐK Hồng Đức II                  | BVĐK Hồng Đức II                      | 259 An Phú Đông 03, KP. 19, P. An Phú Đông  |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 312 | Phòng Khám Medic Hoàn Mỹ Sài Gòn  | Phòng Khám Medic Hoàn Mỹ Sài Gòn      | 588 Hà Huy Giáp, KP. 62, P. An Phú Đông     |                 |                         | X                          |                  |                    |      |      |      |      |      |      |
| 313 | PKĐK Sài Gòn Medik                | PKĐK Sài Gòn Medik                    | 61 Vườn Lài, P. An Phú Đông                 |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 314 | PKĐK CNC Sài Gòn Medik            | TYT Thới An                           | 30 TA16,P. Thới An                          |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 315 | TYT Thới An                       | TYT Thới An                           | 30 TA16,P. Thới An                          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      | X    |
| 316 | Điểm Y tế thuộc TYT Thới An       | Điểm Y tế thuộc TYT Thới An           | 459 Tô Ngọc Vân, P. Thới An                 | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      | X    |
| 317 | BVĐK Hồng Đức II                  | Điểm Y tế thuộc TYT Thới An           | 459 Tô Ngọc Vân, P. Thới An                 |                 | X                       | X                          | X                |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 318 | TYT Tân Thới Hiệp                 | TYT Tân Thới Hiệp                     | 495, Đường Dương Thị Mười, P. Tân Thới Hiệp | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 319 | Điểm Y tế thuộc TYT Tân Thới Hiệp | Điểm Y tế thuộc TYT Tân Thới Hiệp     | 286B, Đường HT13, P. Tân Thới Hiệp          | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 320 | PKĐK 118                          | Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên-Công Nhân | 51, HT25, KP. 21, P. Tân Thới Hiệp          |                 |                         | X                          |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                                              | Địa chỉ                                                                      | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                                       |                                                                              | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 321 | BVĐK Hồng Đức II             | Trung tâm Cung ứng dịch vụ công-cơ sở nhà thiếu nhi   | 100 Nguyễn Văn Vân, KP. 15                                                   |                 | X                       | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 322 | BVĐK Hồng Đức II             | Văn phòng KP. 17                                      | 161 Trần Thị Hè, KP. 16                                                      |                 | X                       | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 323 | TYT P. Đông Hưng Thuận       | Trụ sở chính TYT                                      | 593, Nguyễn Văn Quá, KP. 72, P. Đông Hưng Thuận                              | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 324 |                              | Điểm Y tế 2 KP. 17 (KP. 51, 52, 53 và 1 phần KP. 48 ) | Số 49, Đường DD7, KP. 58, P. Đông Hưng Thuận                                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 325 |                              | Điểm Y tế 1 KP.1 ( KP. 1-4)                           | 4/9 TTN1 KP. P. Đông Hưng Thuận TP. HCM                                      | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 326 |                              | Lớp MN Vành khuyên                                    | 4/59 DHT6, KP.52, P. Đông Hưng Thuận                                         | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 327 |                              | Lớp MG Năng Xuân                                      | 198 Phan Văn Hớn , KP. 18, P. Đông Hưng Thuận                                | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 328 |                              | Lớp MN Độc Lập Thiên Thần Nhỏ                         | 76/3 TTN5, KP. 39, P. Đông Hưng Thuận                                        | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 329 |                              | Lớp MG Thái Bình                                      | 07 TTN1B, KP.10, P. Đông Hưng Thuận                                          | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 330 |                              | Lớp MG Bé Yêu 2                                       | 1/152a , Nguyễn Văn Quá, KP. 49, P. Đông Hưng Thuận                          | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 331 |                              | Lớp MG Ngôi Sao Nhỏ 1                                 | 6/18, Đường TTN21, KP.5, P. Đông Hưng Thuận                                  | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 332 |                              | Lớp MG Đăng Khôi                                      | 112/9A Nguyễn Văn Qúa, KP.65, P.Đông Hưng Thuận                              | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 333 |                              | Lớp MN Tài Năng Nhí                                   | Chung cư Topaz Home Tầng 1 Block C2, Số 102 Phan Văn Hớn, P. Đông Hưng Thuận | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 334 |                              | Lớp MG Sen Việt 2                                     | 22-23H3.KP. 60.DN7.P. Đông Hưng Thuận                                        | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 335 |                              | Lớp MN Ngôi Nhà Hạnh Phúc 2                           | 52 Tân Thới Nhất 21, KP. 4, P. Đông Hưng Thuận                               | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 336 |                              | Lớp MG Khủng Long Con                                 | 815/1 Đông Hưng Thuận 17, P. Đông Hưng Thuận                                 | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 337 |                              | Lớp MG Hồng Nguyên                                    | 126/20/6 ĐHT42 KP.53 ĐHT TP. HCM                                             | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 338 |                              | Lớp MN Con Đường Tuệ Đức                              | Số 8, Đường Tân Thới Nhất 17, P Đông Hưng Thuận                              | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 339 | TYT P. Linh Xuân             | PKĐK thuộc TYT P. Linh Xuân                           | 02, Nguyễn Văn Lịch, P. Linh Xuân                                            | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 340 | TYT P. Linh Xuân             | Điểm Y tế 2 TYT Linh Xuân                             | 09, Đường 3, khu tái định cư 6,8ha, P. Linh Xuân                             | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám    | Địa điểm                                                                                        | Địa chỉ                                          | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |           |           |      |      |      |      |
|-----|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|-----------|-----------|------|------|------|------|
|     |                                 |                                                                                                 |                                                  | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7      | 15/7      | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 341 | TYT P. Linh Xuân                | Điểm Y tế 3 TYT Linh Xuân                                                                       | 23, Nguyễn Văn Lịch, P. Linh Xuân                | X               |                         |                            |                  | X                  | X         | X         | X    | X    | X    | X    |
| 342 | BVĐK khu vực Thủ Đức            | BVĐK khu vực Thủ Đức                                                                            | 64, Lê Văn Chí, P. Linh Xuân                     |                 | X                       | X                          |                  | X                  | X         | X         | X    | X    |      |      |
| 343 | TYT P. Linh Xuân                | Khám sức khỏe lưu động tại KP., khám tại nhà cho người đi lại khó khăn, NKT nặng, đặc biệt nặng | Tại trụ sở các KP. và nhà dân                    | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X         | X         | X    | X    |      |      |
| 344 | TYT Tam bình                    | TYT Tam Bình                                                                                    | 43 Đường Bình Chiểu                              | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    | X         |           |      |      |      |      |
| 345 | TYT Tam bình                    | Điểm Y tế 1 TYT Tam Bình                                                                        | Số 9, Đường 4                                    | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    |           |           | X    |      |      |      |
| 346 | TYT Tam bình                    | Lớp MG Ngọc Đạt                                                                                 | Số 297, Ngô Chí Quốc, KP. 1, P. Tam Bình         | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    |           | X         |      |      |      |      |
| 347 | TYT Tam bình                    | Lớp MG Chim Vàng Anh                                                                            | Số 281, Ngô Chí Quốc, KP. 1, P. Tam Bình         | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    |           | X         |      |      |      |      |
| 348 | TYT Tam bình                    | Lớp MG Hoa Trạng Nguyên                                                                         | 756A, TL 43, P. Tam Bình                         | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    |           |           | X    |      |      |      |
| 349 | TYT Tam bình                    | NT Ngôi Sao Xanh                                                                                | Số 239, Ngô Chí Quốc, KP. 3, P. Tam Bình         | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    |           |           | X    |      |      |      |
| 350 | TYT Tam bình                    | Lớp MG Thiên Hương                                                                              | Số 227/1/13, Đường Tam Bình, KP. 60, P. Tam Bình | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    |           |           | X    |      |      |      |
| 351 | TYT Tam bình                    | MN Mặt Trời Đỏ                                                                                  | 289 Ngô Chí Quốc , KP.1                          | X( Sáng)        |                         |                            |                  |                    |           |           | X    |      |      |      |
| 352 | BVĐK Thủ Đức                    | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Hiệp Bình                                                              | số 48 Đường Lý Tế Xuyên, KP. 47, P. Hiệp Bình    |                 |                         | X                          | X                |                    |           | X         |      |      |      |      |
| 353 | BVĐK Thủ Đức                    | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Hiệp Bình                                                              | số 686 Quốc lộ 13, KP. 6, P. Hiệp Bình           |                 |                         | X                          | X                |                    |           |           |      | X    |      |      |
| 354 | TYT Hiệp Bình                   | TYT Hiệp Bình                                                                                   | Số 07 Đường 22, P. Hiệp Bình                     | X               |                         |                            |                  |                    |           | X         |      |      |      |      |
| 355 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT Hiệp Bình | Điểm Y tế 1 thuộc TYT Hiệp Bình                                                                 | Số 686 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình                  | X               |                         |                            |                  |                    |           |           | X    |      |      |      |
| 356 | Điểm Y tế 2 thuộc TYT Hiệp Bình | Điểm Y tế 2 thuộc TYT Hiệp Bình                                                                 | Số 48 Đường Lý Tế Xuyên, P. Hiệp Bình            | X               |                         |                            |                  |                    | X         |           |      |      |      |      |
| 357 | TYT P. Thủ Đức                  | Trụ Sở chính P. Thủ Đức                                                                         | số 34 Đường 22 KP. 8 , P. Thủ Đức                | X               |                         |                            | X                | X                  | X ( sáng) | X         | X    |      |      |      |
| 358 | TYT P. Thủ Đức                  | Điểm 1 TYT P. Thủ Đức                                                                           | số 7 Khổng tử , KP. 31 P. Thủ đức                | X               |                         |                            |                  |                    |           | X ( sáng) |      |      |      |      |
| 359 | TYT P. Thủ Đức                  | Điểm 2 TYT P. Thủ Đức                                                                           | 71A Đường 8 KP. 24                               | X               |                         |                            |                  |                    |           | X ( sáng) |      |      |      |      |
| 360 | TYT P. Thủ Đức                  | Trường Đại học Ngân Hàng                                                                        | 56, Hoàng Diệu 2, P. Thủ Đức                     |                 |                         | X                          |                  |                    |           | X         | X    | X    |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                         | Địa chỉ                                           | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |          |      |          |      |
|-----|------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|----------|------|----------|------|
|     |                              |                                  |                                                   | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7     | 17/7 | 18/7     | 19/7 |
| 361 | Bệnh viện Lê Văn Việt        | Bệnh viện Lê Văn Việt            | 387 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú                 | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X        | X    | X (sáng) |      |
| 362 | TYT P. Tăng Nhơn Phú         | PKĐK TYT P. Tăng Nhơn Phú        | 48A Đường Tăng Nhơn Phú, P. Tăng Nhơn Phú         | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X        | X    | X (Sáng) |      |
| 363 | TYT P. Tăng Nhơn Phú         | Điểm Y tế 1 TYT P. Tăng Nhơn Phú | Số 08 Trương Văn Thành                            | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X        | X    |          |      |
| 364 | TYT P. Tăng Nhơn Phú         | Điểm Y tế 2 TYT P. Tăng Nhơn Phú | Số 82 Nam Cao                                     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X        | X    |          |      |
| 365 | TYT Phước Long               | Lớp MN Ánh Bình Minh             | 88 Đường 297, P. Phước Long                       | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |          |      |          |      |
| 366 | TYT Phước Long               | Lớp MN Gia Hân                   | 10/10 Hồ Bá Phấn, P. Phước Long                   | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |          |      |          |      |
| 367 | TYT Phước Long               | Lớp MG Đô Rê Mi                  | 138 Đường 339, P. Phước Long                      | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |          |      |          |      |
| 368 | TYT Phước Long               | Lớp MG Làng Hạnh Phúc            | Số 08, Đường D1A, KDC Nam Long, P. Phước Long     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |          |      |          |      |
| 369 | TYT Phước Long               | Lớp MG Không Gian Xanh           | 327 Đường D14A, P. Phước Long                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |          |      |          |      |
| 370 | TYT Phước Long               | Lớp MG Ngôi Nhà Hạnh Phúc        | 19D6 khu dân cư Hưng Phú, P. Phước Long           | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |          |      |          |      |
| 371 | TYT Phước Long               | Điểm Y tế 1 TYT Phước Long       | 51 Hồ Bá Phấn , Phước Long                        | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X        | X    |          |      |
| 372 | TYT Phước Long               | Điểm Y tế 2 TYT Phước Long       | Đường 22, Phước Long                              | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X        | X    |          |      |
| 373 | TYT Phước Long               | TYT Phước Long                   | Đường 8, Phước Long                               | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X        | X    |          |      |
| 374 | TYT P. Long Phước            | TYT P. Long Phước                | không số, KP. 15, Đường Long Phước, P. Long Phước | X               |                         | X                          | X                |                    |      |      | X (sáng) | X    |          |      |
| 375 | TYT P. Long Phước            | MG Ngôi Sao Vui Vẻ               | số 53 Đường 19 Đông Tăng Long                     | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |          |      |          |      |
| 376 | TYT P. Long Phước            | Nhóm Trẻ Hạt Mầm                 | số 47 Đường A4 Đông Tăng Long                     | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |          |      |          |      |
| 377 | TYT P. Long Phước            | Nhóm Trẻ Viên Kẹo Nhỏ            | số 51 Đường A4 Đông Tăng Long                     | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |          |      |          |      |
| 378 | TYT P. Long Phước            | Nhóm Trẻ Sen Việt                | số 1465/3 Nguyễn Duy Trinh                        | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |          |      |          |      |
| 379 | TYT P. Long Phước            | Nhóm Trẻ Mai Yến                 | số 6/10 Đường A4 Đông Tăng Long                   | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |          |      |          |      |
| 380 | TYT P. Long Phước            | Nhóm Trẻ Tài Năng Tí Hon         | số 9 Đường 4,Long Phước                           | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |          |      |          |      |



[illegible]



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                             | Địa chỉ                                     | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                      |                                             | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 401 | TYT P. Gò Vấp                | Bệnh viện Hồng Đức                   | 32/2 Thống Nhất, P. Gò Vấp                  | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 402 | TYT P. Gò Vấp                | Bệnh viện Bắc Sài Gòn                | 189 Nguyễn Oanh, P. Gò Vấp                  | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 403 | TYT P. Gò Vấp                | Phòng Khám Trần Diệp Khanh           | 41/21 Nguyễn Oanh, P. Gò Vấp                | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 404 | TYT P. Gò Vấp                | TYT P. Gò Vấp                        | 507B Quang Trung, P. Gò Vấp                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 405 | TYT P. Gò Vấp                | Điểm Y tế thuộc TYT P. Gò Vấp        | 37 Nguyễn Văn Lượng                         | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 406 | TYT P. Hạnh Thông            | TYT P. Hạnh Thông                    | 79 Nguyễn Văn Nghi                          | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 407 | TYT P. Hạnh Thông            | Điểm Y tế 1                          | 499/4/1 Lê Quang Định                       | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 408 | TYT P. Hạnh Thông            | PKĐK                                 | 201 Nguyễn Thái Sơn                         | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 409 | TYT P. Hạnh Thông            | Trường MN Khiết Tâm                  | 113 Lê Lợi                                  | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 410 | TYT P. Hạnh Thông            | Trường MN Bầu Trời Xanh              | - Lô N04 CC K26                             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 411 | TYT P. Thông Tây Hội         | TYT P. Thông Tây Hội                 | 1000 Quang Trung                            | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 412 | TYT P. Thông Tây Hội         | Điểm Y tế thuộc TYT P. Thông Tây Hội | 637 Quang Trung                             | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 413 | BVĐK Gò Vấp                  | BVĐK Gò Vấp                          | 641 Quang Trung, P. Thông Tây Hội           |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 414 | TYT P. Thông Tây Hội         | Lớp MG An Tâm                        | 243 Đường số 1, Thông Tây Hội               | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 415 | TYT P. Thông Tây Hội         | Lớp MG Thiên Lý                      | 102/80 Lê Văn Thọ, P. Thông Tây Hội         | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 416 | TYT P. Thông Tây Hội         | Lớp MG Quả Chanh Vàng                | 153/48/30 Lê Văn Thọ                        | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 417 | TYT P. Thông Tây Hội         | Trường MN Vàng Anh                   | 858 Quang Trung, P. Thông Tây Hội           | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 418 | TYT P. Thông Tây Hội         | Lớp MG Trúc Giang                    | 380/56 Phạm Văn Chiêu, P. Thông Tây Hội     | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 419 | TYT P. Thông Tây Hội         | Lớp MN Thế Giới Ngày Mai             | Số 3 Đường số 3 P. Thông Tây Hội            | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 420 | TYT P. Thông Tây Hội         | Trường MN Mèo Mìn                    | 872/61 Đường Quang Trung - P. Thông Tây Hội | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                       | Địa điểm                                           | Địa chỉ                                    | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                                    |                                                    |                                            | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 421 | TYT P. Thông Tây Hội                               | Lớp MG Hoa Hồng Nhỏ                                | 310/23 Phạm Văn Chiêu                      | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 422 | PKĐK thuộc Điểm Y tế 4 thuộc TYT P. Bình Lợi Trung | PKĐK thuộc Điểm Y tế 4 thuộc TYT P. Bình Lợi Trung | 99/6 Nơ Trang Long                         | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 423 | TYT P. Bình Lợi Trung                              | TYT P. Bình Lợi Trung                              | 21A Bình Lợi                               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 424 | BVĐK Bình Thạnh                                    | BVĐK Bình Thạnh                                    | 132 Lê Văn Duyệt, P. Gia Định              |                 | X                       | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 425 | TYT P. Bình Lợi Trung                              | TYT P. Bình Lợi Trung                              | 99/6 Nơ Trang Long, P. Bình Lợi Trung      |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 426 | TYT P. Bình Quới                                   | TYT P. Bình Quới                                   | Số 1 khu hành chính Thanh Đa, P. Bình Quới | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 427 | TYT P. Bình Quới                                   | Điểm Y tế P. Bình Quới                             | 1003 (319/22) Bình Quới, P. Bình Quới      | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 428 | BVĐK Bình Thạnh                                    | BVĐK Bình Thạnh                                    | 132 Lê Văn Duyệt, P. Gia Định              |                 | X                       | X                          | X                | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 429 | BVĐK Bình Thạnh                                    | BVĐK Bình Thạnh                                    | 132 Lê Văn Duyệt, P. Gia Định              |                 | X                       | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 430 | TYT P. Gia Định                                    | Lớp MN Vườn Trẻ Thơ                                | 195/77 Xô Viết Nghệ Tĩnh                   | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 431 |                                                    | MN 3                                               | 280 Trường Sa                              | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 432 |                                                    | Lớp MG Gấu Trúc                                    | 236/31 Điện Biên Phủ                       | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 433 |                                                    | Điểm 3: TYT P. Gia Định                            | 60 Vũ Tùng                                 | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 434 |                                                    | Điểm 4: TYT P. Gia Định                            | 42/16 Hoàng Hoa Thám                       | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 435 |                                                    | Điểm 5: TYT P. Gia Định                            | 105 Xô Viết Nghệ Tĩnh                      | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 436 | TYT P. Thạnh Mỹ Tây                                | TYT P. Thạnh Mỹ Tây                                | 220/24 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Thạnh Mỹ Tây  | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      | X    |      |
| 437 |                                                    | Điểm Y tế 2                                        | B7 Phú Mỹ                                  | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      | X    |      |
| 438 |                                                    | Điểm Y tế 3                                        | 524 Xô Viết Nghệ Tĩnh                      | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      |      |
| 439 |                                                    | Lớp MN Ngôi Sao Sáng                               | 24 Đường Đ1                                | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 440 |                                                    | Trường MN 25A                                      | 2F hẻm 340 Ung Văn Khiêm                   | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                  | Địa điểm                                      | Địa chỉ                             | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                               |                                               |                                     | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 441 | TYT P. Thạnh Mỹ Tây                           | Lớp MN Vườn Khám Phá                          | 591 Điện Biên Phủ                   | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 442 | TYT P. Thạnh Mỹ Tây                           | Trường MN 25B                                 | 10 lô A Cư Xá 307 Nguyễn Văn Thương | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 443 | TYT P. Thạnh Mỹ Tây                           | Trường MN 19                                  | 50 Huỳnh Mẫn Đạt                    | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 444 | TYT P. Bảy Hiền                               | TYT P. Bảy Hiền                               | 21 Trần Mai Ninh                    | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 445 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Bảy Hiền             | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Bảy Hiền             | 304-306 Âu Cơ                       | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 446 | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Bảy Hiền             | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Bảy Hiền             | 117 Năm Châu                        | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 447 | TYT P. Tân Bình                               | PKĐK thuộc TYT P. Tân Bình                    | 12 Tân Hải, P. Tân Bình             | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 448 | TYT P. Tân Sơn Nhì                            | TYT P. Tân Sơn Nhì                            | 382/46 Tân Kỳ Tân Quý, Tân Sơn Nhì  | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 449 | BVĐK Bưu Điện                                 | TYT P. Tân Sơn Nhì                            | 382/46 Tân Kỳ Tân Quý, Tân Sơn Nhì  |                 | X                       | X                          | X                |                    |      |      | X    | X    | X    |      |
| 450 | Điểm Y tế thuộc TYT P. Tân Sơn Nhì            | Điểm Y tế thuộc TYT P. Tân Sơn Nhì            | 08 Nguyễn Thế Truyền, Tân Sơn Nhì   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 451 | TYT P. Phú Thọ Hoà                            | TYT P. Phú Thọ Hoà                            | 145 Nguyễn Xuân Khoát               | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 452 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Phú Thọ Hoà          | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Phú Thọ Hoà          | 265 Tân Quý                         | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 453 | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Phú Thọ Hoà          | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Phú Thọ Hoà          | 368 - 370 Phú Thọ Hoà               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 454 | Điểm Y tế 3 thuộc TYT P. Phú Thọ Hoà          | Điểm Y tế 3 thuộc TYT P. Phú Thọ Hoà          | 44 Thống Nhất                       | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 455 | PKĐK thuộc Điểm Y tế 3 thuộc TYT P. Đức Nhuận | PKĐK thuộc Điểm Y tế 3 thuộc TYT P. Đức Nhuận | 23 Nguyễn Văn Đậu, P. Đức Nhuận     | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | Sáng |      |
| 456 | TYT P. Đức Nhuận                              | TYT P. Đức Nhuận                              | 80A Thích Quảng Đức, P. Đức Nhuận   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 457 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Đức Nhuận            | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Đức Nhuận            | 166 Thích Quảng Đức, P. Đức Nhuận   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 458 | TYT P. Đức Nhuận                              | Trường MN Sơn Ca 5                            | 20/17 Thích Quảng Đức, P. Đức Nhuận | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 459 | TYT P. Đức Nhuận                              | Trường MG Hương Sen                           | 98 Phan Đăng Lưu                    | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 460 | TYT P. Cầu Kiệu                               | TYT P. Cầu Kiệu                               | 330/23 Phan Đình Phùng              | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                             | Địa chỉ                              | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                      |                                      | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 461 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Năng Hồng (59 Trần Kế Xương)      | 59 Trần Kế Xương                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 462 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Tổ Ong Vàng (79 Hoa Lan)          | 79 Hoa Lan                           | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 463 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Hạnh Phúc (124 Cù Lao)            | 124 Cù Lao                           | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 464 | TYT P. Cầu Kiệu              | MG Họạ Mi 1 (324A/1 Phan Đình Phùng) | 324A/1 Phan Đình Phùng               | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 465 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Sơn Ca 2 (66 Phan Xích Long)      | 66 Phan Xích Long                    | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 466 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Sơn Ca 15 (23 Trần Khắc Chân)     | 23 Trần Khắc Chân                    | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 467 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Bàn Tay Nhỏ (313 Phan Đình Phùng) | 313 Phan Đình Phùng                  | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 468 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Mặt Trời Hồng (111 Phan Đăng Lưu) | 111 Phan Đăng Lưu                    | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 469 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Sơn Ca 1 (270/1 Phan Đình Phùng)  | 270/1 Phan Đình Phùng                | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 470 | TYT P. Cầu Kiệu              | MN Sơn Ca 7 (03 Cẩm Bá Thước)        | 03 Cẩm Bá Thước                      | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 471 | BVĐK Phú Nhuận               | Trường THCS Cầu Kiệu                 | 32 Hoa Sữa                           |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    |      |      |      |      |      |
| 472 | TYT P. Phú Nhuận             | MG Đa Minh                           | 201 Lê Văn Sỹ, P.Phú Nhuận           | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 473 | TYT P. Phú Nhuận             | MN Sơn Ca 11                         | 15 Trần Hữu Trang, P.Phú Nhuận       | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 474 | TYT P. Phú Nhuận             | MN Sơn Ca 17                         | 7 Hồ Biểu Chánh, P.Phú Nhuận         | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 475 | TYT P. Phú Nhuận             | MN Sơn Ca 12                         | 8 Hồ Biểu Chánh, P.Phú Nhuận         | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 476 | TYT P. Phú Nhuận             | MG Sen Hồng 8A                       | 91A Hoàng Văn Thụ, P.Phú Nhuận       | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 477 | TYT P. Phú Nhuận             | MG Sài Gòn                           | 80/33 Đặng Văn Ngữ, P.Phú Nhuận      | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 478 | TYT P. Phú Nhuận             | MN Nhà Em                            | 145/1 Nguyễn Đình Chính, P.Phú Nhuận | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 479 | TYT P. Phú Nhuận             | MN Tư thực Cộng Đồng Tí Hon          | 199/8 Hoàng Văn Thụ, P.Phú Nhuận     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 480 | TYT P. Phú Nhuận             | MN Nhà Cửa Sóc TOMO House            | 31 Hồ Biểu Chánh, P.Phú Nhuận        | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                                 | Địa điểm                                 | Địa chỉ                                  | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                                              |                                          |                                          | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 481 | TYT P. An Khánh                                              | TYT P. An Khánh                          | 89 Đường Thảo Điền, P. An Khánh          | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 482 | TYT P. An Khánh                                              | Điểm TYT                                 | 08 Đường 30 P. An Khánh                  | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 483 | TYT P. An Khánh                                              | Lớp MN Hoa Bách Hợp                      |                                          | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 484 | TYT P. An Khánh                                              | 19/5/2026                                | số 213, Trần Nảo, P. An Khánh            | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 485 | TYT P. An Khánh                                              | An Bình                                  | số 21,Đường số 2,KP.1, P. An Khánh       | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 486 | TYT P. An Khánh                                              | Lớp MG Trẻ Tài Năng                      | 204/25 Nguyễn Văn Hưởng                  | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 487 | TYT P. An Khánh                                              | An Khánh                                 | 14 Đường D7                              | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 488 | TYT P. An Khánh                                              | Con Đường Tuệ Đức                        |                                          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 489 | TYT P. An Khánh                                              | Tuệ Đức                                  | 169/1 Đường D2 P. An Khánh               | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 490 | Bệnh viện Lê Văn Thịnh                                       | Tại Hội trường C, Bệnh viện Lê Văn Thịnh | 130 Lê Văn Thịnh, P. Bình Trưng          | X               | X                       | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 491 | TYT Cát Lái                                                  | 564 Đường Trương Gia Mô, P. Cát Lái.     | 564 Đường Trương Gia Mô, P. Cát Lái.     | X               | X                       |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 492 | TYT Cát Lái                                                  | MN Hạt Đậu Nhỏ                           | 18/21 Đường 35C, P. Cát Lái              |                 |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 493 | TYT Cát Lái                                                  | MN Cát Lái                               | 717 Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái          |                 |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 494 | TYT Cát Lái                                                  | MN Hoa Sen 1                             | 309, Trương Văn Bang, P. Cát Lái         |                 |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 495 | TYT Cát Lái                                                  | MN Thanh Mỹ Lợi                          | Số 600, Đường Đồng Văn Cống, P. Cát Lái. |                 |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 496 | TYT P. Xuân Hòa                                              | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Xuân Hòa        | Số 6 Nguyễn Văn Mai, P. Xuân Hòa         | X               | X                       |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 497 | Trung tâm Y khoa Sài Gòn (PKĐK thuộc Công ty CP Vietmedical) | TYT P. Xuân Hòa                          | 18 Võ Văn Tần, P. Xuân Hòa               |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 498 | TYT P. Nhiều Lộc                                             | TYT P. Nhiều Lộc                         | 80/5 Bà Huyện Thanh Quan                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 499 | Trạm Y tế phường Bàn Cờ                                      | Trạm Y tế phường Bàn Cờ                  | 117/1 Bàn Cờ                             | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 500 | TYT P. Hòa Hưng                                              | TYT P. Hòa Hưng                          | 403 Cách Mạng Tháng Tám, P. Hòa Hưng     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                                                     | Địa điểm                                                                         | Địa chỉ                                                  | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                                                                  |                                                                                  |                                                          | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 501 | PKĐK thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa | Trường TH Triệu Thị Trinh                                                        | 91/8D Hoà Hưng, P. Hoà Hưng                              |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 502 |                                                                                  | Trường THCS Hòa Hưng                                                             | 493/73A Cách Mạng Tháng 8                                |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 503 |                                                                                  | PKĐK - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa                                                   | 266A-268 Đường 3/2, P. Hòa Hưng                          |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 504 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | Điểm Y tế 1 - TYT P. Vườn Lài                                                    | Số 498/43 Lê Hồng Phong, P. Vườn Lài                     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 505 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | Điểm Y tế 4 - TYT P. Vườn Lài                                                    | Số 456 Lý Thái Tổ, P. Vườn Lài                           | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 506 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Sao Mai Vườn Lài                                                              | 86 Hồ Thị Kỷ                                             | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 507 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Măng Non III                                                                  | 253 Trần Nhân Tôn                                        | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 508 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Tuổi Thơ Vườn Lài                                                             | 46/1 Trần Nhân Tôn                                       | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 509 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Năng Xanh Vườn Lài                                                            | 180 Nguyễn Chí Thanh                                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 510 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Thực Hành                                                                     | 182 Nguyễn Chí Thanh                                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 511 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Ánh Dương Vườn Lài                                                            | 490/8 Nguyễn Tri Phương                                  | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 512 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Ban Mai Vườn Lài                                                              | 303 Đường 3 tháng 2                                      | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 513 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | MN Trạng Nguyên Vườn Lài                                                         | 594/1 Điện Biên Phủ                                      | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 514 | TYT P. Vườn Lài                                                                  | NT Khủng Long Con                                                                | 702/62 Điện Biên Phủ                                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 515 | PKĐK thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa | PKĐK thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa | Số 266A - 268 Đường 3 tháng 2                            |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 516 |                                                                                  | Cao Ốc A - Ngô Gia Tự                                                            | 301 Hòa Hảo                                              |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    | X    |      |
| 517 | PKĐK Pháp Anh                                                                    | PKĐK Pháp Anh                                                                    | 222-224-226 Nguyễn Duy Dương                             |                 |                         | X                          | X                |                    | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 518 | BVĐK Bình Tân                                                                    | Bệnh viện Nhi Đồng 1                                                             | 341 Sư Vạn Hạnh, P. Vườn Lài                             |                 |                         | X                          |                  |                    | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 519 | TYT P. Hòa Bình                                                                  | TYT P. Hòa Bình                                                                  | 43C- 45C Cư Xá Phú Hòa, Đường Lạc Long Quân, P. Hòa Bình | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 520 | Điểm Y tế thuộc TYT P. Hòa Bình                                                  | Điểm Y tế thuộc TYT P. Hòa Bình                                                  | 125 Đường 100 Bình Thới, P. Hòa Bình                     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám        | Địa điểm                            | Địa chỉ                                       | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                     |                                     |                                               | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 521 | BVĐK Lãnh Binh Thăng                | BVĐK Lãnh Binh Thăng                | 72 Đường số 5, P. Bình Thới                   | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 522 | BVĐK Lãnh Binh Thăng                | Trường TH Trần Văn Ôn               | 612 Lạc Long Quân , P. Hòa Bình               |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 523 | Điểm Y tế thuộc TYT P. Hòa Bình     | Điểm Y tế 2 TYT P. Phú Thọ          | 1156 Đường 3/2, P. Phú Thọ                    | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 524 | TYT P. Phú Thọ                      | Điểm Y tế 1 TYT P. Phú Thọ          | 228 Lãnh Binh Thăng, P. Phú Thọ               | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    | X    |      |      |      |
| 525 | TYT P. Phú Thọ                      | Trụ sở chính TYT P. Phú Thọ         | 62/13 Đường số 2, Cư Xá Lữ Gia, P. Phú Thọ    | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |      |      |
| 526 | TYT P. Bình Thới                    | TYT P. Bình Thới                    | 72A Đường số 5, Cư Xá Bình Thới, P. Bình Thới | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 527 | Điểm Y tế 2 TYT P. Bình Thới        | Điểm Y tế 2 TYT P. Bình Thới        | 111/2A, Lạc Long Quân, P. Bình Thới           | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 528 | BVĐK Lãnh Binh Thăng                | TYT P. Bình Thới                    | 72A Đường số 5, Cư Xá Bình Thới, P. Bình Thới | X               | X                       | X                          | X                |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 529 | BVĐK Lãnh Binh Thăng                | BVĐK Lãnh Binh Thăng                | 72A Đường số 5, P. Bình Thới                  | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 530 | TYT P. Minh Phụng                   | TYT P. Minh Phụng                   | 524-526 Hồng Bàng, P. Minh Phụng              | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 531 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Minh Phụng | Điểm Y tế 1 thuộc TYT P. Minh Phụng | 8/32 Tân Hóa, P. Minh Phụng                   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 532 | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Minh Phụng | Điểm Y tế 2 thuộc TYT P. Minh Phụng | 144 Phó Cơ Điều, P. Minh Phụng                | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 533 | TYT P. Xóm Chiếu                    | Điểm Y tế 2 TYT P. Xóm Chiếu        | 89 bis Tôn Thất Thuyết                        | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 534 | TYT P. Xóm Chiếu                    | Điểm Y tế 4 TYT P. Xóm Chiếu        | 24 Lê Văn Linh                                | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 535 | TYT P. Xóm Chiếu                    | MN 12                               | 19-21-23-25 Đoàn Như Hải                      | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 536 | TYT P. Xóm Chiếu                    | MN Thiên Thần                       | 34 - 35 Bến Vân Đồn                           | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 537 | TYT P. Khánh Hội                    | TYT P. Khánh Hội                    | 178 Bến Vân Đồn                               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 538 | TYT P. Khánh Hội                    | PKĐK TYT                            | 51 Vĩnh Khánh                                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 539 | TYT P. Khánh Hội                    | Điểm Y tế 1                         | 122/30A Tôn Đản                               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 540 | TYT P. Khánh Hội                    | Điểm Y tế 2                         | 55 Tôn Đản                                    | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                                    | Địa chỉ                          | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                             |                                  | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 541 | BVĐK Khánh Hội               | BVĐK Khánh Hội                              | 1-3-5 Đoàn Văn Bơ, P. Xóm Chiếu  |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 542 | BVĐK Khánh Hội               | Trung tâm Cung ứng dịch vụ Công P. Vĩnh Hội | 405 Hoàng Diệu, P. Vĩnh Hội      |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      |      | X    | X    |
| 543 | TYT P. Vĩnh Hội              | Trường MN Vườn Khám Phá                     | 1 Tôn Thất Thuyết,P. Vĩnh Hội    | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 544 | TYT P. Vĩnh Hội              | Trường MN Ngôi Nhà Ong                      | 348 Bến Vân Đồn, P. Vĩnh Hội     | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 545 | TYT P. Vĩnh Hội              | Trường MN Việt Mỹ                           | 360 Bến Vân Đồn P. Vĩnh Hội      | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 546 | TYT P. Vĩnh Hội              | Nhóm trẻ Bí Đỏ                              | 53 Khánh Hội, P. Vĩnh Hội        | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 547 | TYT P. Vĩnh Hội              | Trường MN Vĩnh Hội                          | 98 Khánh Hội, P. Vĩnh Hội        | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 548 | Bệnh viện An Bình            | Bệnh viện An Bình                           | 146 An Bình                      |                 |                         |                            | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 549 | TYT P. An Đông               | Điểm trạm 1                                 | 50 Nguyễn Văn Dừng               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 550 | TYT P. An Đông               | Điểm trạm 2                                 | 282 Trần Phú                     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 551 | TYT P. An Đông               | Điểm trạm chính                             | 268 Nguyễn Trãi                  | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 552 | Bệnh viện Nguyễn Tri Phương  | Bệnh viện Nguyễn Tri Phương                 | 468 Nguyễn Trãi                  |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 553 | TYT P. Chợ Lớn               | PKĐK thuộc TYT P. Chợ Lớn                   | 642A Nguyễn Trãi, P. Chợ Lớn     | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 554 | TYT P. Chợ Lớn               | Điểm Y tế 1                                 | 225B Trần Hưng Đạo B, P. Chợ Lớn | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 555 | TYT P. Chợ Lớn               | Điểm Y tế 2                                 | 227 Hải Thượng Lãn Ông           | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 556 | TYT P. Chợ Lớn               | Điểm Y tế 3                                 | 525 Trần Hưng Đạo                | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 557 | TYT P. Chợ Lớn               | Điểm Y tế 4                                 | 227 Nguyễn Chí Thanh             | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 558 | TYT P. Chợ Lớn               | Trường TH Lê Đình Chinh                     | 8-15 Vạn Tượng, P. Chợ Lớn       |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 559 | TYT P. Chợ Lớn               | Trường TH Nguyễn Đức Cảnh                   | 25 Học Lạc                       |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 560 | TYT P. Phú Lâm               | TYT P. Phú Lâm                              | A14/1 Bà Hom , P. Phú Lâm        |                 |                         |                            | X                | X                  | X    |      |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                         | Địa điểm                                             | Địa chỉ                                                    | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                                      |                                                      |                                                            | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 561 | BVĐK Bình Phú                                        | BVĐK Bình Phú                                        | 2D Chợ Lớn, P. Bình Phú                                    | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 562 | BVĐK Bình Phú                                        | BVĐK Bình Phú                                        | 2D Chợ Lớn, P. Bình Phú                                    |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      | X    |
| 563 | TYT P. Bình Tây                                      | TYT P. Bình Tây                                      | 223 Hậu Giang, P. Bình Tây                                 | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 564 | BVĐK Lãnh Binh Thăng                                 | BVĐK Lãnh Binh Thăng                                 | 72 Đường số 5 - Cư Xá Bình Thới, P. Bình Thới              |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 565 | PKĐK thuộc Công ty TNHH Trung tâm Y khoa Hoàng Khang | PKĐK thuộc Công ty TNHH Trung tâm Y khoa Hoàng Khang | 285 Bà Hom, P. Phú Lâm                                     |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 566 | Bệnh viện An Bình                                    | Bệnh viện An Bình                                    | 146 An Bình, P. An Đông                                    |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 567 | Bệnh viện Nguyễn Tri Phương                          | Bệnh viện Nguyễn Tri Phương                          | 468 Nguyễn Trãi, P. An Đông                                |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 568 | BVĐK Bình Phú                                        | BVĐK Bình Phú                                        | 2D Chợ Lớn, P. Bình Phú                                    |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 569 | TYT P. Bình Tiên                                     | Trường MN Rạng Đông 4                                | 242/10 Phạm Văn Chí                                        | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 570 | TYT P. Bình Tiên                                     | Trường MN Rạng Đông 1                                | 2 Bình Tây                                                 | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 571 | TYT P. Bình Đông                                     | PKĐK thuộc TYT P. Bình Đông                          | Số 28 Đường số 1                                           | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 572 | Bệnh Viện Thống Nhất                                 | Trường TH Bình Long                                  |                                                            |                 |                         | X                          | X                | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 573 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MN Hoa Anh Đào 2                                 | 4 Đường 1 C                                                | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 574 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MG Thỏ Xinh                                      | 0.10 khu A1 Khối A CC Green Town, KP. 14, P. Bình Tân      | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 575 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MN Thỏ Trắng                                     | 34 Đường số 10A, KP. 16, P. Bình Hưng Hòa B                | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 576 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MG Duy Quỳnh                                     | 66/90A Bình Thành, KP.21, P. Bình Tân (Đs 2 gần Mn Nam Mỹ) | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 577 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MG Hiền Hậu                                      | 107/2 Liên khu 4-6, P. Bình Tân                            | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 578 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MG Thảo Hiền                                     | 289/2 Nguyễn Thị Tú, KP. 7, P. Bình Tân                    | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 579 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MN Hạnh Phúc                                     | 112 Liên khu 4-5, KP.21, P. Bình Tân                       | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 580 | TYT P. Bình Tân                                      | Lớp MG Phương Việt                                   | 268 LK 4-5, KP.22, P. Bình Tân                             | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                                         | Địa chỉ                                         | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                                                  |                                                 | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 581 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MN Thảo An 2                                 | 191 Liên khu 4-5, KP.23, P. Bình Tân            | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 582 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MG Phương Nam                                | 125 Liên khu 4-5, KP.24, P. Bình Tân            | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 583 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MG Hoa Cúc Xanh                              | 135 Liên khu 4-5, KP. 24, P. Bình Tân           | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 584 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MN Sáng Trí                                  | 151/105 Đường Liên khu 4-5, KP.28, P. Bình Tân. | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 585 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MG Việt Việt Đức                             | 328 Hương lộ 80, KP.8, P. Bình Tân              | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 586 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MG Tương Lai Việt                            | 527/2 Bình Thành, KP. 8, P. Bình Tân            | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 587 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MN Thần Tượng Nhí                            | 96 Đường Bình Thành, KP. 18, P. Bình Tân        | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 588 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MG Thảo Hiền                                 | 289/2 Nguyễn Thị Tú, KP. 7, P. Bình Tân         | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 589 | TYT P. Bình Tân              | MNTT Bé Xinh                                     | 224/10 Hương lộ 80, KP.8, P. Bình Tân           | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 590 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MG Việt Việt Đức                             | 328 Hương lộ 80, KP.8, P. Bình Tân              | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 591 | TYT P. Bình Tân              | Lớp MG Tương Lai Việt                            | 527/2 Bình Thành, KP. 8, P. Bình Tân            | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 592 | BVĐK Bình Tân                | BVĐK Bình Tân                                    | 809 Hương lộ 2                                  |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 593 | PKĐK Thành An                | PKĐK Thành An                                    | 740-746 Hương lộ 2                              |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 594 | PKĐK Quốc Tế Times           | Trung tâm cung ứng dịch vụ công P. Bình Trị Đông | 1A Liên khu 1-6                                 |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 595 | TYT P. Bình Trị Đông         | MN Phượng Hồng                                   | 222 Mã Lò                                       | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 596 | TYT P. Bình Trị Đông         | MN Paris                                         | 547 Lê Văn Quới                                 | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 597 | TYT P. Bình Trị Đông         | MN Tân Việt Nhật                                 | 28 Đường số 8                                   | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 598 | TYT P. Bình Trị Đông         | MN Nụ Cười Hạnh Phúc                             | 40 Trương Phước Phan                            | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 599 | TYT P. Bình Trị Đông         | MN Ngôi Sao Toàn Cầu                             | 303 Phan Anh                                    | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 600 | TYT P. Bình Trị Đông         | MN Bình Trị Đông                                 | 110A Trương Phước Phan                          | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 601 | TYT P. Bình Trị Đông         | MN Cẩm Tú                                        | 160 Mã Lò                                       | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                     | Địa chỉ                           | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                              |                                   | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 602 | TYT P. Bình Trị Đông         | TYT P. Bình Trị Đông         | 815 Hương lộ 2                    | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 603 | TYT P. Bình Trị Đông         | Điểm Y tế P. Bình Trị Đông   | 276/51 Tân Hòa Đông               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 604 | Bệnh viện Bình Tân           | Bệnh viện Bình Tân           | 809 Hương lộ 2, P. Bình Trị Đông  |                 |                         | X                          | X                | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 605 | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | 15 Võ Trần Chí, X. Tân Nhựt       | X               | X                       |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 606 | Bệnh viện Quốc Ánh           | Bệnh viện Quốc Ánh           | 104-110 Đường số 54, P. Tân Tạo   |                 |                         | X                          | X                | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 607 | PKĐK Thành An                | PKĐK Thành An                | 1 Đường 7B, P. An Lạc             |                 |                         | X                          | X                | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 608 | TYT P                        | TYT P                        | Chung cư Ehome 3 (103 Hồ Học Lãm) | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 609 | TYT P                        | TYT P                        | 549 Hồ Học Lãm                    | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 610 | TYT P                        | TYT P                        | 1 Đường 7B, P. An Lạc             | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 611 | Bệnh viện Bình Tân           | Bệnh viện Bình Tân           | 809 Hương lộ 2, P. Bình Trị Đông  |                 |                         | X                          | X                |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 612 | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | 15 Võ Trần Chí, X. Tân Nhựt       | X               | X                       |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 613 | Bệnh viện Quốc Ánh           | Bệnh viện Quốc Ánh           | 104-110 Đường số 54, P. Tân Tạo   |                 |                         | X                          | X                |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 614 | PKĐK Thành An                | PKĐK Thành An                | 1 Đường 7B, P. An Lạc             |                 |                         | X                          | X                |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 615 | TYT P.                       | TYT P.                       | Chung cư Ehome 3 (103 Hồ Học Lãm) | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 616 | TYT P.                       | TYT P.                       | 549 Hồ Học Lãm                    | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 617 | TYT P.                       | TYT P.                       | 1 Đường 7B, P. An Lạc             | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 618 | Bệnh viện Bình Tân           | Bệnh viện Bình Tân           | 809 Hương lộ 2, P. Bình Trị Đông  |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 619 | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | 15 Võ Trần Chí, X. Tân Nhựt       | X               | X                       |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 620 | Bệnh viện Quốc Ánh           | Bệnh viện Quốc Ánh           | 104-110 Đường số 54, P. Tân Tạo   |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                     | Địa chỉ                                                                              | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                              |                              |                                                                                      | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 621 | PKĐK Thành An                | PKĐK Thành An                | 1 Đường 7B, P. An Lạc                                                                |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 622 | TYT P                        | TYT P                        | Trường MN Hoa Hồng Nhỏ (Số 1185 Lê Đức Anh)<br>Trường MN Hoàng Anh (1-2 Đường 2B,3B) | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 623 | TYT P                        | TYT P                        | 1 Đường 7B, P. An Lạc                                                                | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 624 | Bệnh viện Bình Tân           | Bệnh viện Bình Tân           | 809 Hương lộ 2, P. Bình Trị Đông                                                     |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 625 | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | 15 Võ Trần Chí, X. Tân Nhựt                                                          | X               | X                       |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 626 | Bệnh viện Quốc Ánh           | Bệnh viện Quốc Ánh           | 104-110 Đường số 54, P. Tân Tạo                                                      |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 627 | PKĐK Thành An                | PKĐK Thành An                | Chung cư 35 Hồ Học Lãm                                                               |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 628 | TYT P                        | TYT P                        | Trường MN Tuổi Thơ Việt (Số 6-14 Đường 21B)                                          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 629 | TYT P                        | TYT P                        | 1 Đường 7B, P. An Lạc                                                                | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 630 | TYT P                        | TYT P                        | Chung cư 35 Hồ Học Lãm                                                               | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 631 | Bệnh viện Bình Tân           | Bệnh viện Bình Tân           | 809 Hương lộ 2, P. Bình Trị Đông                                                     |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 632 | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | 15 Võ Trần Chí, X. Tân Nhựt                                                          | X               | X                       |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 633 | Bệnh viện Quốc Ánh           | Bệnh viện Quốc Ánh           | 104-110 Đường số 54, P. Tân Tạo                                                      |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 634 | PKĐK Thành An                | PKĐK Thành An                | 1 Đường 7B, P. An Lạc                                                                |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 635 | TYT P                        | TYT P                        | 549 Hồ Học Lãm                                                                       | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 636 | TYT P                        | TYT P                        | 1 Đường 7B                                                                           | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 637 | TYT P                        | TYT P                        | 64A Đường 2C, KDC Nam Hùng Vương                                                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 638 | TYT P                        | TYT P                        | Số 9-11 Nguyễn Thúc Đường                                                            | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 639 | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | 15 Võ Trần Chí, X. Tân Nhựt                                                          | X               | X                       |                            |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 640 | PKĐK Thành An                | PKĐK Thành An                | 1 Đường 7B, P. An Lạc                                                                |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      |      | X    |      |



[illegible]



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám                              | Địa điểm                                    | Địa chỉ                                                     | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                                           |                                             |                                                             | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 661 | TYT P. Tân Hưng                                           | Lớp MG Bông Sen                             | 151 Đường 79, P. Tân Hưng                                   | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 662 | BVĐK Tân Hưng                                             | Trung tâm Cung ứng dịch vụ công P. Tân Hưng | 193 Đường số 30, P. Tân Hưng                                |                 |                         | X                          | X                |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 663 | Công ty TNHH PKĐK Sky                                     | Trường MN Tân Hưng                          | Số 2 Đường 3A, P. Tân Hưng                                  |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 664 | TYT P. Tân Thuận                                          | TYT P. Tân Thuận                            | 531-533 Huỳnh Tấn Phát                                      | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 665 |                                                           | Điểm Y tế 1                                 | 478-480 Huỳnh Tấn Phát                                      | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 666 |                                                           | Điểm Y tế 2                                 | 139 Trần Xuân Soạn                                          | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 667 | Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp  | Trường TH Kim Đồng                          | Đường D2 Chung cư Eco Green                                 |                 |                         | X                          |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 668 | TYT P. Phú Thuận                                          | Trạm chính TYT P. Phú Thuận                 | 1705 Huỳnh Tấn Phát                                         | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 669 | PKĐK thuộc Chi nhánh Công ty TNHH AMV VACCINE tại TP. HCM | Trung Tâm Cung Ứng Dịch Vụ P. Phú Thuận     | 1521 Huỳnh Tấn Phát                                         |                 |                         | X                          | X                |                    | X    |      |      |      | X    |      |
| 670 | BVĐK Tân Hưng                                             | Trường TH Phú Thuận                         | 38B Nguyễn Văn Quỳ                                          |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 671 |                                                           | BVĐK Nguyễn Thị Thập                        | 101 Nguyễn Thị Thập                                         |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 672 |                                                           | BVĐK Nguyễn Thị Thập                        | 101 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Mỹ, Tại nhà theo DS P. cung cấp | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 673 | PKĐK thuộc TYT                                            | Trạm chính TYT P. Tân Mỹ                    | 101 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Mỹ                              |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 674 | TYT P. Tân Mỹ                                             | Điểm Y tế thuộc TYT                         | Số 01 Võ Thị Đặng P. Tân Mỹ                                 | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      | X    |      |      |      |
| 675 | BVĐK khu vực Củ Chi                                       | BVĐK khu vực Củ Chi                         | Số 9A, Đường Nguyễn Văn Hoài, ấp Bàu Tre 2, X. Tân An Hội   |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      | X    |      |      |
| 676 | Phòng Khám đa khoa thuộc Trạm Y tế                        | Trạm Y tế Xã Tân An Hội                     | 11 Vũ Duy Chí, ấp Đất Thép, Xã Tân An Hội                   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 677 |                                                           | Điểm y tế 1                                 | Đương Lê Minh Nhựt, Xã Tân An Hội                           | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 678 |                                                           | Trường MN Bắc Hà                            | 97 Phạm Hữu Tâm, ấp Bình An, Xã Tân An Hội                  | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 679 | BVĐK khu vực Củ Chi                                       | Điểm Y tế 1 - TYT Nhuận Đức                 | Số 76, Đường Phạm Văn Cội, ấp 3A, X. Nhuận Đức              |                 |                         | X                          | X                | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 680 | BVĐK khu vực Củ Chi                                       | Điểm Y tế 2 - TYT X. Nhuận Đức              | Số 234, tỉnh lộ 2, ấp Xóm Mới, X. Nhuận Đức                 |                 |                         | X                          | X                |                    | X    |      | X    |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám    | Địa điểm                        | Địa chỉ                                       | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|---------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                 |                                 |                                               | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 681 | TYT                             | TYT X. Nhuận Đức                | ấp Ngã Tư, X. Nhuận Đức                       | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 682 | TYT                             | Điểm Y tế 2 - TYT Nhuận Đức     | 234,Đường Tỉnh lộ 2,ấp Xóm Mới, X. Nhuận Đức, | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 683 | TYT X. Thái Mỹ                  | TYT X. Thái Mỹ                  | số 1, Đường Nguyễn Thị Quá, ấp Phước Hưng     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    |      |      |      |
| 684 | TYT X. Thái Mỹ                  | Điểm Y tế 1 - TYT X. Thái Mỹ    | số 394, Đường Tỉnh lộ 7, ấp Bình Thượng 1     | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    |      | X    |      |      |
| 685 | TYT X. Thái Mỹ                  | Điểm Y tế 2 - TYT X. Thái Mỹ    | số 83, Đường Trung Lập, ấp Trung Bình         | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 686 | BVĐK Củ Chi                     | TYT X. Thái Mỹ                  | số 1, Đường Nguyễn Thị Quá, ấp Phước Hưng     |                 |                         | X                          |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 687 | BVĐK Củ Chi                     | Điểm Y tế 1 - TYT X. Thái Mỹ    | số 394, Đường Tỉnh lộ 7, ấp Bình Thượng 1     |                 |                         | X                          |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 688 | BVĐK Củ Chi                     | Trường THCS Trung Lập           | Đường Phạm Thị Điệp, ấp Trung Bình            |                 |                         | X                          |                  |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 689 | TYT X. Phú Hòa Đông             | TYT X. Phú Hòa Đông             | Đường Nguyễn Thị Hảo, ấp 7 X. Phú Hòa Đông    | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    | X    | X    |      |      |
| 690 | TYT X. Phú Hòa Đông             | Điểm Y tế 1-TYT X. Phú Hòa Đông | 256 Tỉnh lộ 8, X. Phú Hòa Đông                | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      | X    |      |      |
| 691 | TYT X. Phú Hòa Đông             | Điểm Y tế 2-TYT X. Phú Hòa Đông | 151, Tỉnh lộ 15, ấp Chợ, X. Phú Hòa Đông      | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    |      |      |      |      |
| 692 | PKĐK thuộc Công ty TNHH Tân Quy | PKĐK thuộc Công ty TNHH Tân Quy | 14-18-20-28/7, TL8, ấp 1 X. Phú Hòa Đông      |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 693 |                                 | TH Tân Thạnh Đông 3             | 655 TL 15, ấp 6 Phú Hòa Đông                  |                 | X                       |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 694 |                                 | TH-THCS Tân Trung               | Số 1310 ấp 13 X. Phú Hòa Đông TP. HCM         |                 | X                       |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 695 |                                 | THCS Phú Hòa Đông               | Nguyễn Thị Nê Xa Phú Hòa Đông                 |                 | X                       |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 696 |                                 | THCS Tân Thạnh Đông             | TL 15 X. Phú Hòa Đông                         |                 | X                       |                            |                  |                    |      |      | X    | X    |      |      |
| 697 |                                 | PKĐK thuộc Công ty TNHH Tân Quy | 14-18-20-28/7, TL8, ấp 1 X. Phú Hòa Đông      |                 | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 698 | TYT X. Bình Mỹ                  | TYT X. Bình Mỹ                  | 351 Bến Than, ấp 27, X. Bình Mỹ               | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 699 | TYT X. Bình Mỹ                  | Điểm Y tế 1-TYT X. Bình Mỹ      | 80 Hà Duy Phiên, ấp 5, X. Bình Mỹ             | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 700 | TYT X. Bình Mỹ                  | TYT 2 Bình Mỹ                   | Đường Trung An, ấp Bốn Phú, X. Bình Mỹ        | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |



[illegible]



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám        | Địa điểm                            | Địa chỉ                                            | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                     |                                     |                                                    | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 721 | TYT X. Củ Chi                       | MN Thành Danh                       | Số 10, Đường 26, ấp Thượng                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 722 | TYT X. Củ Chi                       | MN Mai Vàng                         | Số 35, Đường 19, ấp Tân Định                       | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 723 | TYT X. Củ Chi                       | MN Hoa Mai                          | Số 79A, Trần Tử Bình , ấp Tân Tiến                 | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 724 | TYT X. Củ Chi                       | MN Nụ Cười Trẻ Thơ                  | Số 7, Đường 17, ấp Tân Định                        | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 725 | TYT X. Củ Chi                       | MN Tuổi Thần Tiên                   | Số 32, Đường Võ Thị Dòn, ấp Tân Định               | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 726 | TYT X. Củ Chi                       | MN Hòa Bình                         | Số Số 55, Đường 27, ấp Tân Lập                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 727 | TYT X. Củ Chi                       | MN CVK                              | Số 83-83A, Đường 15, ấp Tân Tiến                   | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 728 | 79 Bà Triệu, X. Hóc Môn             | BVĐK khu vực Hóc Môn                | 79 Bà Triệu, X. Hóc Môn                            |                 |                         | X                          |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 729 | TYT X. Hóc Môn                      | MN Tân Hiệp                         | số 109, ấp 4, X. Hóc Môn.                          | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 730 | TYT X. Hóc Môn                      | MN Bé Ngoan                         | 594 Song hành QL 22, ấp 24, X. Hóc Môn.            | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 731 | TYT X. Hóc Môn                      | MN Mỹ Hòa                           | 68 Đường 08, ấp 4, X. Hóc Môn.                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 732 | TYT X. Hóc Môn                      | TYT X. Hóc Môn                      | 75 Bà Triệu X. Hóc Môn                             | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 733 | TYT X. Hóc Môn                      | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Hóc Môn    | số 31 Đường Tân Hiệp 14, X. Hóc Môn.               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 734 | BVĐK khu vực Hóc Môn                | BVĐK khu vực Hóc Môn                | 107 Tân Hiệp 47-1, X. Hóc Môn                      |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 735 | BVĐK khu vực Hóc Môn                | BVĐK khu vực Hóc Môn                | 78 lê lợi, ấp 15, X. Hóc Môn                       |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 736 | TYT X. Hóc Môn                      | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Hóc Môn    | số 31 Đường Tân Hiệp 14, X. Hóc Môn.               | X               | X                       | X                          | X                |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 737 | TYT X. Đông Thạnh                   | TYT X. Đông Thạnh                   | Số 07 Đường Đông Thạnh 4-2, ấp 55, X. Đông Thạnh   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 738 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Điểm Y tế 1 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Số 368 Đường Bùi Công Trừng, ấp 117, X. Đông Thạnh | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 739 | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Số 683 Đường Trịnh Thị Miếng, ấp 97, X. Đông Thạnh | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 740 | TYT X. Đông Thạnh                   | Trường MN 2/9                       | 18/9A Đặng Thúc Vịnh                               | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám        | Địa điểm                            | Địa chỉ                                            | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |      |      |
|-----|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|------|------|
|     |                                     |                                     |                                                    | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7 | 19/7 |
| 721 | TYT X. Củ Chi                       | MN Thành Danh                       | Số 10, Đường 26, ấp Thượng                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 722 | TYT X. Củ Chi                       | MN Mai Vàng                         | Số 35, Đường 19, ấp Tân Định                       | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 723 | TYT X. Củ Chi                       | MN Hoa Mai                          | Số 79A, Trần Tử Bình , ấp Tân Tiến                 | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      | X    |      |      |
| 724 | TYT X. Củ Chi                       | MN Nụ Cười Trẻ Thơ                  | Số 7, Đường 17, ấp Tân Định                        | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 725 | TYT X. Củ Chi                       | MN Tuổi Thần Tiên                   | Số 32, Đường Võ Thị Dòn, ấp Tân Định               | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 726 | TYT X. Củ Chi                       | MN Hòa Bình                         | Số Số 55, Đường 27, ấp Tân Lập                     | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 727 | TYT X. Củ Chi                       | MN CVK                              | Số 83-83A, Đường 15, ấp Tân Tiến                   | X               |                         |                            |                  | X                  |      |      |      |      |      |      |
| 728 | 79 Bà Triệu, X. Hóc Môn             | BVĐK khu vực Hóc Môn                | 79 Bà Triệu, X. Hóc Môn                            |                 |                         | X                          |                  | X                  | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| 729 | TYT X. Hóc Môn                      | MN Tân Hiệp                         | số 109, ấp 4, X. Hóc Môn.                          | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |
| 730 | TYT X. Hóc Môn                      | MN Bé Ngoan                         | 594 Song hành QL 22, ấp 24, X. Hóc Môn.            | X               |                         |                            |                  |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 731 | TYT X. Hóc Môn                      | MN Mỹ Hòa                           | 68 Đường 08, ấp 4, X. Hóc Môn.                     | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 732 | TYT X. Hóc Môn                      | TYT X. Hóc Môn                      | 75 Bà Triệu X. Hóc Môn                             | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| 733 | TYT X. Hóc Môn                      | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Hóc Môn    | số 31 Đường Tân Hiệp 14, X. Hóc Môn.               | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 734 | BVĐK khu vực Hóc Môn                | BVĐK khu vực Hóc Môn                | 107 Tân Hiệp 47-1, X. Hóc Môn                      |                 |                         | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |      |      |
| 735 | BVĐK khu vực Hóc Môn                | BVĐK khu vực Hóc Môn                | 78 lê lợi, ấp 15, X. Hóc Môn                       |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |      |      |
| 736 | TYT X. Hóc Môn                      | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Hóc Môn    | số 31 Đường Tân Hiệp 14, X. Hóc Môn.               | X               | X                       | X                          | X                |                    |      |      |      |      | X    |      |
| 737 | TYT X. Đông Thạnh                   | TYT X. Đông Thạnh                   | Số 07 Đường Đông Thạnh 4-2, ấp 55, X. Đông Thạnh   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 738 | Điểm Y tế 1 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Điểm Y tế 1 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Số 368 Đường Bùi Công Trừng, ấp 117, X. Đông Thạnh | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 739 | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Điểm Y tế 2 thuộc TYT X. Đông Thạnh | Số 683 Đường Trịnh Thị Miếng, ấp 97, X. Đông Thạnh | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X    | X    | X    |      |      |
| 740 | TYT X. Đông Thạnh                   | Trưởng MN 2/9                       | 18/9A Đặng Thúc Vịnh                               | X               |                         |                            |                  |                    | X    |      |      |      |      |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám     | Địa điểm                                                                                   | Địa chỉ                                             | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |        |        |        |        |      |
|-----|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|--------|--------|--------|--------|------|
|     |                                  |                                                                                            |                                                     | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7   | 16/7   | 17/7   | 18/7   | 19/7 |
| 761 | BVĐK Bình Chánh                  | Trường TH Bình Lợi                                                                         | 670 Đường Vườn Thơm ấp 3 X. Bình Lợi                |                 | X                       | X                          | X                | X                  |      |        |        |        |        |      |
| 762 | Phòng Khám 115 y dược            | Trường MN HOA SEN 3                                                                        | 686 Đường Trần Đại Nghĩa ấp 35 X. Bình Lợi          |                 | X                       | X                          | X                |                    |      | X      |        |        |        |      |
| 763 | TYT X. Bình Hưng                 | TYT X. Bình Hưng                                                                           | 71A Đường số 1, ấp 19 KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      |        |      |
| 764 | TYT X. Bình Hưng                 | Điểm Y tế TYT X. Bình Hưng                                                                 | 116 Đường số 9 KDC Phong Phú 4, ấp 5, X. Bình Hưng  | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      |        |      |
| 765 | TYT X. Bình Hưng                 | PKĐK thuộc chi nhánh công ty cổ phần Hellicare Hệ thống Phòng Khám Y Khoa CARE MIZUKI PARK | Bến Du thuyền, KDC Mizuki Park, ấp 16, X. Bình Hưng | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      | X      | X    |
| 766 | PKĐK Sài Gòn-Hưng Long           | Trụ Sở UBND X. Hưng Long                                                                   | Số 564 Đường Đoàn Nguyễn Tuấn                       | X               |                         | X                          | X                | X sáng             |      |        |        |        |        |      |
| 767 |                                  | Văn phòng ấp 7, X. Hưng Long                                                               | B6/30B Đường Phạm Thị Tánh, ấp 7, X. Hưng Long      | X               |                         | X                          | X                | X chiều            |      |        |        |        |        |      |
| 768 |                                  | Văn phòng ấp 30 cũ ( kế MN Ngọc Lan)                                                       | Số 19 Đường Liên ấp 2-3, X. Hưng Long               | X               |                         | X                          | X                |                    |      | X sáng | X sáng | X sáng | X sáng |      |
| 769 |                                  | Trường TH Hưng Long                                                                        | B9/9 Đường Nguyễn Văn Long, ấp 5, X. Hưng Long      | X               |                         | X                          | X                | X sáng             |      |        |        |        |        |      |
| 770 | Bệnh viện An Bình ngày 16/7/2026 | TYT                                                                                        | số 01 Đường 18, khu dân cư Cotec X. Nhà Bè          | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X      | X      | X      | X      | X    |
| 771 | TYT                              | Điểm Y tế 1                                                                                | Hẻm 2637, Đường Huỳnh Tấn Phát, ấp 30, X. Nhà Bè    | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      | X      | X    |
| 772 | TYT                              | Điểm Y tế 2                                                                                | 1410 Đường Lê Văn Lương X. Nhà Bè                   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      | X      | X    |
| 773 | TYT                              | Điểm Y tế 3                                                                                | 423/1 Đường Đào Sư Tích X. Nhà Bè                   | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      | X      | X    |
| 774 | BVĐK Nhà Bè                      | BVĐK Nhà Bè                                                                                | Số 281 Lê Văn Lương, ấp 21 X. Nhà Bè                |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X      | X      | X      | X      | X    |
| 775 | Bệnh Viện An Bình                | Bệnh Viện An Bình                                                                          | 146 An Bình, P. An Đông                             |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X      | X      | X      | X      |      |
| 776 | Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương      | Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương                                                                | 468 Nguyễn Trãi, P. An Đông                         |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X      | X      | X      | X      |      |
| 777 | Bệnh Viện An Bình                | 86/1 ấp 12 X. Nhà Bè                                                                       | 86/1 ấp 12 X. Nhà Bè                                |                 |                         | X                          | X                |                    |      | X      |        |        |        |      |
| 778 | BV Nguyễn Trãi                   | Điểm Y tế 1 - TYT X. Hiệp Phước                                                            | 548/28 Đường Lê Thị Tám, ấp 3, X. Hiệp Phước        | X               |                         |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      |        |      |
| 779 | TYT X. Hiệp Phước                | Điểm Y tế 2 - TYT X. Hiệp Phước                                                            | khu dân cư Hiệp Phước 1, ấp 31, X. Hiệp Phước       | X               | X                       |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      | X      | X    |
| 780 | BV ĐK Nhà Bè                     | Khoa Khám bệnh, chữa bệnh - TYT                                                            | Nguyễn Văn Tạo, ấp 23, X. Hiệp Phước                | X               | X                       |                            |                  | X                  | X    | X      | X      | X      |        |      |



# DANH SÁCH LỊCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HÀNG TUẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Cập nhật ngày 11/7/2026

| STT | Tên cơ sở KCB phụ trách khám | Địa điểm                                      | Địa chỉ                                                                            | Đối tượng khám  |                         |                            |                  | Lịch KSK theo ngày |      |      |      |      |           |      |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|------|------|------|------|-----------|------|
|     |                              |                                               |                                                                                    | Trẻ dưới 6 tuổi | Trẻ từ 6 - dưới 18 tuổi | Người từ 18 - dưới 59 tuổi | Người từ 60 tuổi | 13/7               | 14/7 | 15/7 | 16/7 | 17/7 | 18/7      | 19/7 |
| 781 | BV ĐK Nhà Bè                 | BVĐK Nhà Bè                                   | 281A, Lê Văn Lương, ấp 63, X. Nhà Bè                                               | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X<br>Sáng |      |
| 782 | BV ĐK Nhà Bè                 | Trung tâm cung ứng dịch vụ công X. Hiệp Phước | 1606 Lê Văn Lương ấp 4, X. Hiệp Phước., ấp Long Kiểng Tây (ấp 4 cũ), X. Hiệp Phước | X               | X                       | X                          | X                |                    | X    | X    |      |      |           |      |
| 783 | BV ĐK Nhà Bè                 | Trường TH Lê Văn Lương                        | Số 1736, Lê Văn Lương, ấp Nhơn Mỹ (ấp 7 cũ), X. Hiệp Phước                         | X               | X                       | X                          | X                |                    |      |      | X    | X    |           |      |
| 784 | PKĐK Nhơn Tâm                | PKĐK Nhơn Tâm                                 | 469, Nguyễn Văn Tạo, ấp 16, X. Hiệp Phước                                          | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X         | X    |
| 785 | PK ĐK Khánh Tâm              | PKĐK Khánh Tâm                                | 1783A, Lê Văn Lương, ấp 3, X. Hiệp Phước                                           | X               | X                       | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X         | X    |
| 786 | TYT X. Cần Giở               | TYT X. Cần Giở                                | ấp Long Thạnh, X. Cần Giở                                                          | X               |                         |                            |                  |                    |      |      | X    | X    |           |      |
| 787 | TYT X. Bình Khánh            | TYT X. Bình Khánh                             | ấp An Nghĩa, X. Bình Khánh                                                         | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |           |      |
| 788 | TYT X. Bình Khánh            | Điểm Y tế Bình Khánh                          | ấp Bình Khánh, X. Bình Khánh                                                       | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |           |      |
| 789 | TYT X. Bình Khánh            | Điểm Y tế Tam Thôn Hiệp                       | ấp Tam Thôn Hiệp, X. Bình Khánh                                                    | X               |                         |                            |                  |                    |      |      |      |      |           |      |
| 790 | Bệnh viện Lê Văn Thịnh       | Văn phòng ấp Bình Lợi                         | ấp Bình Lợi, X. Bình Khánh                                                         |                 | X                       | X                          | X                |                    | X    |      |      |      |           |      |
| 791 |                              | Văn phòng ấp An Phước (cũ)                    | ấp An Phước, X. Bình Khánh                                                         |                 | X                       | X                          | X                |                    |      | X    |      |      |           |      |
| 792 |                              | Trung tâm Văn hóa ấp Tam Thôn Hiệp            | ấp Tam Thôn Hiệp, X. Bình Khánh                                                    |                 | X                       | X                          | X                |                    |      |      | X    |      |           |      |
| 793 |                              | Trường TH An Nghĩa                            | ấp An Nghĩa, X. Bình Khánh                                                         |                 | X                       | X                          | X                |                    |      |      |      | X    |           |      |
| 794 |                              | Trường TH An Thới Đông                        | ấp Rạch Lá, X. AN Thới Đông                                                        |                 |                         | X                          | X                | X                  | X    | X    | X    | X    | X         |      |
| 795 | BVĐK Sài Gòn Bình Dương      | BBVĐK Sài Gòn Bình Dương                      | 39 Hồ Văn Cống, KP. 4, P. Chánh Hiệp                                               |                 |                         | X                          | X                |                    | X    | X    | X    | X    | X         | X    |